

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON XÃ HẸ MUÔNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐIỆN BIÊN – 2022

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON XÃ HỆ MUÔNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Phạm Thị Hương	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Trần Thị Làn	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Nguyễn Thị Hương	Tổ trưởng	Thư ký Hội đồng	
4	Bùi Thị Dung	Phó hiệu trưởng	Ủy viên hội đồng	
5	Lò Thị Ngân	Tổ trưởng	Ủy viên hội đồng	
6	Lường Thị Thiết	Bí thư đoàn thanh niên	Ủy viên hội đồng	
7	Nguyễn Thị Nhanh	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
8	Cà Thị Xoan	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
9	Lò Văn Duyên	Tổ trưởng	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ cái viết tắt	3
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN MỨC 1, 2 và 3	13
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	13
Mở đầu	13
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	14
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	16
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	18
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	20
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	23
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	25
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	27
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	29
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	31
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	33
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	35
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	36
Mở đầu	36
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	36
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	38
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	41
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	43

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	43
Mở đầu	43
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn	44
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	47
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính – quản trị	49
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	51
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	53
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	55
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	57
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	57
Mở đầu	57
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	58
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của trường	60
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	63
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	63
Mở đầu	63
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	63
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	66
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	68
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	71
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	73
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	73

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Chú thích
1	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
2	CBQL-GV-NV	Cán bộ quản lý - giáo viên - nhân viên
3	CBQL	Cán bộ quản lý
4	ĐDĐC	Đồ dùng đồ chơi
5	GDMN	Giáo dục mầm non
6	UBND	Ủy ban nhân dân
7	TNCSHCM	Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
8	XHHGD	Xã hội hóa giáo dục
9	CSGD	Chăm sóc giáo dục
10	GDMN	Giáo viên mầm non

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Đạt Mức 1 và 2.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường mầm non xã Hẹ Muông

Tên trước đây (nếu có): Trường mầm non Số 2 Núa Ngam

Cơ quan chủ quản: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên.

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Điện Biên	Họ và tên hiệu trưởng	Phạm Thị Hương
Huyện/quận /thị xã/ thành phố	Huyện Điện Biên	Điện thoại	0834393556
Xã / phường/thị trấn	Hẹ Muông	Fax	
Đạt CQG		Website	https://mnhemuong@edu.viettel.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	Quyết định số 2790/QĐ-UBND ngày 20/7/2010	Số điểm trường	4
Công lập	x	Loại hình khác	
Tư thực		Thuộc vùng khó khăn	
Dân lập		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	x
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	3	3	3	3	4
Số lớp mẫu giáo ghép 3-	1	1	1	2	2

Số nhóm, lớp	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
4 tuổi					
Số lớp mẫu giáo ghép 4-5 tuổi	1	1	1	2	2
Số lớp mẫu giáo ghép 3-4-5 tuổi	3	3	3	3	3
Số lớp mẫu giáo 3 tuổi	1	1	1	0	0
Số lớp mẫu giáo 5 tuổi	1	1	1	0	0
Cộng	10	10	10	10	11

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	10	10	10	10	11	
1	Phòng kiên cố	6	6	6	6	6	
2	Phòng bán kiên cố	4	4	4	4	5	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng phục vụ học tập	0	0	0	1	4	

TT	Số liệu	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Ghi chú
1	Phòng kiên cố	0	0	0	1	4	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Khối phòng hành chính quản trị	3	3	4	4	9	
1	Phòng kiên cố	1	1	1	1	8	
2	Phòng bán kiên cố	2	2	3	3	1	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	5	5	5	5	5	
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác	0	0	0	0	0	
	Cộng	18	18	19	20	29	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	2	0	0	0	2	
Giáo viên	17	17	12	0	2	15	
Nhân viên	4	2	3	1	2	1	
Cộng	24	22	15	1	5	18	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
1	Tổng số giáo viên	16	19	17	16	17
2	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với nhóm trẻ)	11,7	12,5	11,2	12	9,5
3	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	0	0	0	0	0
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	15,9	11,4	14,3	15,7	14,1
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	2	2	6	6	6

TT	Số liệu	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0
7	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0

4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	229	223	224	229	231	
	- Nữ	110	109	108	112	108	
	- Dân tộc thiểu số	229	223	224	229	231	
2	Đối tượng chính sách	184	211	223	226	231	
3	Khuyết tật	0	1	0	0	0	
4	Tuyển mới	17	21	19	20	28	
5	Học 2 buổi/ngày	229	223	224	229	231	
6	Bán trú	229	223	224	229	231	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	22,7	21,1	22,4	22,4	22,1	

TT	Số liệu	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Ghi chú
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	23,3	25	22,3	24	19	
9	- Trẻ em từ 03-12 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em từ 13- 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em từ 25- 36 tháng tuổi	70	75	67	72	76	
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	48	51	51	43	53	
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	50	48	60	61	42	
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	61	49	46	53	60	
10	- Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0	

5. Các số liệu khác (nếu có)

.....

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường mầm non xã Hẹ Muông được thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 15 tháng 8 năm 2010 với tên gọi trường mầm non Số 2 Núa Ngam theo Quyết định số 2790/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2010. Từ tháng ngày 03 tháng 10 năm 2013 trường đã được đổi tên thành trường mầm non xã Hẹ Muông theo quyết định Số 3867/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên. Nhà trường được xây dựng tại bản Nậm Hẹ 1 - xã Hẹ Muông - huyện Điện Biên - tỉnh Điện Biên. Trường có hệ thống cơ sở vật chất đảm bảo cho công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Từ khi thành lập đến nay nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đảng Ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân xã Hẹ Muông, Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Điện Biên, các cơ quan ban ngành nên cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư xây dựng khang trang, có đủ phòng học và các phòng chức năng, các công trình của trường được xây dựng kiên cố, có tường bao và hàng rào thép B40, có sân chơi láng xi măng sạch sẽ, có đồ chơi ngoài trời đủ số lượng theo quy định. Lớp học có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học.

Năm học 2022 - 2023 nhà trường có tổng số 24 CBQL-GV-NV (trong đó cán bộ quản lý 03 đồng chí, có 02 tổ chuyên môn với 17 giáo viên và 1 tổ văn phòng với 04 nhân viên). Nhà trường có 12/17 giáo viên dạy giỏi các cấp (trong đó giáo viên dạy giỏi cấp trường 06 giáo viên; giáo viên dạy giỏi cấp huyện 06 giáo viên).

Nhà trường có 11 nhóm, lớp với 231 học sinh, trong đó có 04 nhóm trẻ 24-36 tháng với 76 trẻ; 02 lớp mẫu giáo ghép 3, 4 tuổi với 43 học sinh; 02 lớp mẫu giáo ghép 4, 5 tuổi với 45 học sinh; 03 lớp mẫu giáo ghép 3 độ tuổi với 67 học sinh. Nhà trường tổ chức cho 100% số trẻ ăn bán trú tại trường, học 2 buổi/ngày và chăm sóc, giáo dục theo chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp đạt kế hoạch đề ra, có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng.

Sau 12 năm đi vào hoạt động, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường qua các năm học, trường mầm non xã Hẹ Muông đã có những bước phát triển về mọi mặt: Nhiều năm liên trường đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, được UBND huyện Điện Biên tặng giấy khen. Năm học 2021-2022 nhà trường đạt tập thể lao động xuất sắc. Các mặt hoạt động của nhà trường đều ổn định, phát triển bền vững, uy tín và vị thế của nhà trường đối với ngành học, với chính quyền địa phương và cha mẹ trẻ ngày một nâng lên.

Chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng chăm sóc giáo dục được nâng lên và khẳng định qua kết quả đánh giá chất lượng của từng năm học, đáp ứng đủ điều kiện trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức 2, trường

chuẩn quốc gia mức độ 1. Hằng năm nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp Ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp với các cơ quan đoàn thể đóng trên địa bàn, phụ huynh học sinh tập trung mọi nguồn lực xây dựng, cải tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn. Duy trì nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và tổ chức tốt các hoạt động của nhà trường. Đáp ứng các tiêu chí về kiểm định chất lượng giáo dục mức 2.

2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá là quá trình nhà trường tự kiểm tra, đánh giá trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá do Bộ GD&ĐT tạo ban hành. Việc tự đánh giá giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, thông qua báo cáo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường.

Thông qua việc tự đánh giá, nhận thức của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên về công tác chăm sóc giáo dục trẻ được thay đổi theo chiều hướng tích cực. Công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ và nề nếp hơn. Công tác tự đánh giá thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục. Mỗi cá nhân nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao.

Kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên xác định được những điểm mạnh, điểm yếu. Từ đó có kế hoạch cải tiến, khắc phục phù hợp để cải thiện chất lượng hoạt động của nhà trường trong thời gian tới và những năm tiếp theo.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá.

Nhà trường đã triển khai cụ thể kế hoạch tự đánh giá tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường theo Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Thực hiện thành lập Hội đồng tự đánh giá có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổng thể và chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, tổ chức hướng dẫn kỹ năng viết phiếu đánh giá tiêu chí, xác định nội hàm, gợi ý tìm minh chứng cho từng nhóm. Hội đồng tự đánh giá được chia thành 03 nhóm, mỗi nhóm được phân công thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, nghiên cứu đánh giá 01 - 02 tiêu chuẩn.

Tự đánh giá là quá trình liên tục thực hiện theo kế hoạch, đòi hỏi tính khách quan, trung thực và công khai, có sự tham gia của tập thể và cá nhân trong nhà trường. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá được dựa trên các minh chứng cụ thể, đảm bảo độ tin cậy.

Hoạt động tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo đúng quy trình Bộ GD&ĐT hướng dẫn gồm 7 bước sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3: Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Bước 4: Đánh giá các mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá.

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau. Trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung của 5 tiêu chuẩn, trong quá trình đánh giá nhà trường căn cứ vào các văn bản quy định kiểm định chất lượng giáo dục Mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá. Ngoài ra, nhà trường còn sử dụng các phương tiện hỗ trợ khác (máy vi tính, máy in, máy ảnh, mạng Internet...) để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo.

Trong quá trình tự đánh giá, các nhóm công tác đã tiến hành thu thập, xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng, đối chiếu với các tiêu chuẩn, tiêu chí theo Thông tư số 19/2018/TT-BGD&ĐT. Trên cơ sở đó phân tích đánh giá các điểm mạnh và điểm yếu để làm căn cứ xây dựng kế hoạch cải tiến tìm biện pháp để khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Ban thư ký có trách nhiệm tập hợp các phiếu tự đánh giá theo từng tiêu chuẩn và viết báo cáo tự đánh giá. Sau khi viết báo cáo, nhà trường sẽ công khai báo cáo tự đánh giá. Căn cứ vào Thông tư 19/2018/TT-BGD&ĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Căn cứ vào kết quả tự đánh giá nhà trường đạt mức 2.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường mầm non xã Hẹ Muông hàng năm đã xây dựng kế hoạch đề ra chiến lược xây dựng và phát triển về công tác tổ chức và quản lý các hoạt động trong nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non và các nguồn lực của nhà trường. Kiện toàn đầy đủ cơ cấu tổ chức theo đúng quy định, nhà trường có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức đoàn thể khác, thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ theo quy định và hoạt động có hiệu quả. Nhà trường thực hiện quản lý và sử dụng tài chính, tài sản, lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định. Hằng năm xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL-GV-NV. Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng chăm sóc giáo dục.

Đa số các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được chia theo độ tuổi, học 2 buổi/ngày. Giáo viên căn cứ vào kế hoạch giáo dục nhà trường để xây dựng kế hoạch giáo dục của nhóm, lớp theo chương trình giáo dục của Bộ GD&ĐT phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Định kỳ tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

Nhà trường luôn phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên theo đúng năng lực, sở trường và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của từng đồng chí. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cơ quan đơn vị, không có tình trạng đơn thư khiếu nại, đảm bảo các quyền lợi của CBQL-GV-NV đúng quy định. Hằng năm, nhà trường luôn đảm bảo tốt an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng chống bạo lực học đường.

1. Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) *Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn; phù hợp với các nguồn lực của nhà trường như đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh. Phương hướng chiến lược được cụ thể hoá đưa vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hàng năm [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của các cấp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng ủy, căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch được giao. Nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược giai đoạn [H1-1.1-01]. Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường được phòng GD&ĐT huyện Điện Biên phê duyệt để triển khai, thực hiện đảm bảo theo quy định [H1-1.1-02].

Hằng năm, nhà trường công khai kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch phát triển giáo dục nhà trường, phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong Hội nghị viên chức, người lao động đầu năm và được niêm yết trên bảng tin công khai [1.1-03], được đăng tải trên Website <https://mnhemuong@edu.viettel.vn> để cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ và nhân dân được biết [1.1-04].

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường: Thành lập Ban chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho các thành viên giải quyết các công việc liên quan. Định kỳ hàng năm, Ban chỉ đạo thực hiện rà soát, đánh giá kết quả thực hiện từ đó điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đạt được mục tiêu của nhà trường trong năm học và các giai đoạn có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường CBQL-GV-NV cha mẹ học sinh và cộng đồng [H1-1.1-05].

Mức 3:

Nhà trường định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường CBQL-GV-NV thông qua Hội nghị viên chức đầu năm, cha mẹ trẻ và cộng đồng thông qua các buổi họp Ban đại diện cha mẹ học sinh [H1-1.1-06]; [H1-1.1-07]; [H1-1.1-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo giai đoạn và cụ thể từng năm phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non, với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nguồn lực của nhà trường, đưa ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo giai đoạn, theo từng năm được phòng GD&ĐT phê duyệt và niêm yết trên bảng tin và các kênh thông tin chung của nhà trường. Hằng năm định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

3. Điểm yếu: Kế hoạch phát triển nhà trường năm học 2022-2023 chưa cụ thể về mốc thời gian thực hiện các tháng trong năm học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả việc xây dựng chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường phù hợp với mục tiêu của GDMN và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương.	CBQL, giáo viên	Chiến lược phát triển nhà trường. Xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường.	Trong các năm học tiếp theo.	Không
Tiếp tục công khai phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường bằng hình thức đăng tải trên cổng thông tin điện tử của nhà trường và phương tiện thông tin đại chúng của địa phương để đạt hiệu quả cao hơn.	CBQL, trưởng các thôn bản	Trang thông tin điện tử của trường, phòng GD&ĐT, loa phát thanh của bản.	Trong năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo	Không
Nâng cao chất lượng thực hiện các hoạt động giám sát định kỳ, thường xuyên thực hiện các chỉ tiêu phát triển nhà trường	CBQL	Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường.	Năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.	Không
Tiếp tục phát huy sự tham gia đóng góp của các thành viên trong Hội đồng trường, CBQL-GV-NV, cha mẹ trẻ em và cộng đồng vào phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	CBQL-GV-NV, cha mẹ trẻ em và cộng đồng	Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	Trong năm học 2022 – 2023 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có hội đồng trường được UBND huyện thành lập theo quyết định số 2861/QĐ-UBND, ngày 22/11/2021 gồm 7 thành viên [H1-1.2-01]; Các Hội đồng khác do hiệu trưởng thành lập theo quy định: Hội đồng thi đua khen thưởng gồm 8 thành viên [H1-1.2-02]; Hội đồng đánh giá phạm vi ảnh hưởng hiệu quả áp dụng sáng kiến cấp trường gồm 5 thành viên [H1-1.2-03]; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường gồm 5 thành viên [H1-1.2-04]; Hội đồng tự đánh giá trường mầm non gồm 9 thành viên [H1-1.2-05].

Các hội đồng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 Ban hành Điều lệ trường mầm non [H1-1.1-05].

Các hội đồng được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung nội dung hoạt động cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương [H1-1.1-05].

Mức 2:

Các hội đồng duy trì hoạt động tích cực có hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mỗi năm hội đồng trường, hội đồng thi đua khen thưởng họp định kỳ 3 lần vào đầu năm học, cuối kỳ 1 và cuối năm học để đưa ra các giải pháp góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định; các hội đồng thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung nội dung hoạt động cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục kiện toàn các hội đồng để thực hiện các nhiệm vụ riêng theo quy định như Hội đồng thi đua khen	CBQL, UBND huyện	Các quyết định thành lập.	Trong năm học 2022 - 2023 các năm học	

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
thường, Hội đồng đánh giá phạm vi ảnh hưởng hiệu quả áp dụng sáng kiến....			tiếp theo	
Tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa hiệu quả hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác trong việc góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học.	Các chủ tịch hội đồng và các thành viên.	Phân công nhiệm vụ, các quyết định thành lập.	Năm học 2022 - 2023 và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổ chức Công đoàn gồm Chủ tịch (Trần Thị Làn) cùng 22 công đoàn viên [H1-1.3-01]; Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm Bí thư đoàn (Lương Thị Thiết) và 4 đoàn viên [H1-1.3-02].

Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường luôn phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong công tác xây dựng kế hoạch, đảm bảo thực hiện hoạt động theo quy định, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Thực hiện tốt các hoạt động phong trào, chăm lo đời sống CBQL-GV-NV và công tác quyên góp ủng hộ từ thiện đảm bảo theo quy định của nhà trường và của cấp trên [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Các hoạt động của tổ chức, đoàn thể nhà trường thường xuyên được rà soát, kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng hoạt động một cách hiệu quả [H1-1.1-05]; [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06].

Mức 2:

Nhà trường có 01 chi bộ Đảng độc lập gồm Bí thư chi bộ, phó bí thư và 14 đảng viên, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam [H1-1.3-07]. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường được Đảng ủy xã Hẹ Muông đánh giá 02 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (năm 2018, 2021) và 03 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-08].

Hàng năm các đoàn thể, tổ chức khác tích cực hoạt động phối kết hợp với nhà trường thực hiện đảm bảo chỉ tiêu, kế hoạch đề ra góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường [H1-1.3-09]; [H1-1.3-10]; [H1-1.3-11].

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp Chi bộ nhà trường luôn triển khai và thực hiện tốt các quy định của Hiến pháp, pháp luật, thực hiện đúng điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường được Đảng ủy xã Hẹ Muông đánh giá 02 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (năm 2018, 2021) và 03 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-08].

Các tổ chức đoàn thể và các tổ chức khác của nhà trường hàng năm đều có những đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng mang lại kết quả cao trong quá trình hoạt động như: Các ngày lễ hội, các cuộc giao lưu, hội thi của giáo viên và trẻ, nâng cao chất lượng nuôi, dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ... [H1-1.3-09]; [H1-1.3-10]; [H1-1.3-11].

2. Điểm mạnh

Trường có 01 Chi bộ Đảng độc lập, các đoàn thể và tổ chức khác như: Tổ chức Công đoàn, đoàn TNCSHCM đều có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, hàng năm được rà soát đánh giá làm tốt công tác tham mưu, tích cực phối kết hợp với nhà trường tổ chức tốt các hoạt động của trường và cộng đồng, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời

điểm đánh giá, chi bộ nhà trường đều được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 02 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục duy trì tốt cơ cấu tổ chức cơ sở đảng, các đoàn thể và các tổ chức khác theo quy định.	Đảng ủy xã Hệ Muông, Chi bộ đảng, Liên Đoàn lao động huyện Điện Biên, Đoàn thanh niên xã.	Các quyết định thành lập.	Trong năm học 2022-2023 và những năm học tiếp theo	
Tăng cường sự lãnh đạo của Chi bộ đảng; xây dựng quy chế hoạt động của các tổ chức, đoàn thể đảm bảo theo quy định, các đoàn thể, tổ chức khác phối hợp thực hiện tốt các hoạt động của nhà trường. Tích cực học tập trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị bạn, đưa ra các giải pháp đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng về mọi mặt của nhà trường.	Chi bộ 04, các tổ chức đoàn thể.	Phân công nhiệm vụ, quy chế hoạt động.	Trong các năm học, nhiệm kỳ.	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 hiệu trưởng (Phạm Thị Hương) và 02 phó hiệu trưởng (Trần Thị Làn, Bùi Thị Dung) đảm bảo theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02].

Nhà trường có 02 tổ chuyên môn (Tổ mẫu giáo ghép trung tâm có 09 đồng chí, tổ mẫu giáo ghép bản có 10 đồng chí), 01 tổ văn phòng có 05 đồng chí [H1-1.4-03]. Các tổ chuyên môn có tổ trưởng và tổ phó theo quy định [H1-1.4-04].

Hằng năm tổ văn phòng, tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động theo tháng, năm học, thực hiện sinh hoạt chuyên môn. Tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ ít nhất một tháng một lần, tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ 2 lần/tháng theo đúng Điều lệ trường mầm non và các nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các thành viên trong tổ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng CSGD; quản lý việc sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục, hồ sơ sổ sách; việc thực hiện quy chế chuyên môn; tham gia đánh giá xếp loại CBQL-GV-NV trong tổ theo quy định [H1-1.4-05].

Mức 2:

Hằng năm các tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của ngành, của trường, chất lượng chuyên môn và yêu cầu về chăm sóc giáo dục trẻ đề xuất các nội dung chuyên đề với chuyên môn nhà trường để xây dựng kế hoạch chung cho cả năm học, tháng, tuần. Căn cứ vào kế hoạch cụ thể của nhà trường, các tổ xây dựng và thực hiện chuyên đề giải quyết những vướng mắc khó khăn thực tế của giáo viên, từ đó thúc đẩy chất lượng chuyên môn của giáo viên góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục. Các tổ đã đề xuất và thực hiện các chuyên đề như: Chuyên đề xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, chuyên đề lồng ghép giới, ứng phó với biến đổi khí hậu, lồng ghép học tập và làm theo tư tưởng, phong cách, đạo đức Hồ Chí Minh, tăng cường Tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số, chuyên đề Tôi yêu Việt Nam [H1-1.1-05]; [H1-1.4-05].

Hàng năm các tổ chuyên môn, tổ văn phòng tổ chức hoạt động theo đúng kế hoạch được định kỳ rà soát, kiểm tra, đánh giá từ đó có sự điều chỉnh bổ sung kế hoạch các tháng tiếp theo cho phù hợp với điều kiện thực tế của tổ [H1-1.1-05]; [H1-1.4-06].

Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường như: Tham mưu tổ chức các hoạt động chuyên đề, xây dựng khẩu phần, thực đơn đảm bảo dinh dưỡng phù hợp cho trẻ, phối hợp tổ chức tốt các hội thi, chương trình giao lưu theo các chủ đề, các hoạt động tham quan, lễ hội; tổ chuyên môn thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ, tham gia đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo quy định; góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của nhà trường [H1-1.1-05]; [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06].

Hàng năm các tổ chuyên môn thực hiện có hiệu quả các chuyên đề chuyên môn theo kế hoạch, có sự tham gia đóng góp của cán bộ quản lý, giáo viên, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.1-05]; [H1-1.4-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng, 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng đảm bảo theo quy định. Hàng năm, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch, đề xuất các chuyên đề và tổ chức các hoạt động theo quy định, có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ. Nhà trường đã định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh bổ sung hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục kiện toàn và duy trì cơ cấu tổ chức của tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo quy định.	CBQL	Các quyết định thành lập.	Năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo	Không
Tổ chức có hiệu quả sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề tổ theo nghiên cứu bài học. Đổi mới nội dung sinh	CBQL, tổ trưởng, Giáo viên cốt cán.	Các kế hoạch của tổ chuyên môn, tổ văn	Từ tháng 10 đến hết tháng 5 năm học	Không

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
hoạt tở chuyên môn: Dành thời gian để trao đổi thảo luận về đổi mới phương pháp giảng dạy lấy trẻ làm trung tâm, ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động...		phòng.	2022-2023	
Chủ động tích cực hơn trong việc đề xuất sinh hoạt chuyên đề để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong nhà trường.	CBQL, tở trưởng, các thành viên tở chuyên môn, tở văn phòng.	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn	Trong các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 2 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ em cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong những năm học vừa qua, các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo của nhà trường được phân chia theo độ tuổi và lớp ghép theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Năm học 2022-2023, trường có 11 nhóm, lớp trong đó: Có 4 nhóm trẻ 24-36 tháng, 2 lớp mẫu giáo ghép 3-4 tuổi, 2 lớp mẫu giáo ghép 4-5

tuổi, 3 lớp mẫu giáo ghép 3-4-5 tuổi [H1-1.5-01]; [1.5-02].

Hằng năm các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được học 2 buổi/ngày theo chương trình GDMN [H1-1.5-01]; [H1-1.5-03].

Năm học 2019 - 2020 nhà trường có 01 trẻ khuyết tật học hòa nhập tại lớp mẫu giáo ghép 4-5 tuổi Na Dôn - Sái Lương [H1-1.5-04].

Mức 2:

Hằng năm số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo của nhà trường đều được phân chia theo độ tuổi và lớp mẫu giáo ghép, số lượng trẻ không vượt quá theo quy định. Cụ thể: Năm học 2018-2019 nhà trường có 3 nhóm trẻ với 70 trẻ và 7 lớp mẫu giáo với 159 trẻ. Năm học 2019-2020 nhà trường có 3 nhóm trẻ với 75 trẻ và 7 lớp mẫu giáo với 148 trẻ. Năm học 2020-2021 nhà trường có 3 nhóm trẻ với 67 trẻ và 7 lớp mẫu giáo với 157 trẻ. Năm học 2021-2022 nhà trường có 3 nhóm trẻ với 72 trẻ và 7 lớp mẫu giáo với 157 trẻ. Năm học 2022-2023 nhà trường có 4 nhóm trẻ với 76 trẻ, 7 lớp mẫu giáo với 155 trẻ [H1-1.5-01].

Mức 3:

Trong các năm học vừa qua nhà trường không có năm nào vượt quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, cụ thể: Năm học 2018-2019 có 10 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo; năm học 2019-2020 là 10 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo; năm học 2020-2021 là 10 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo; năm học 2021-2022 nhà trường có 10 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, đến thời điểm hiện tại năm học 2022-2023 nhà trường có 11 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Trong các năm học qua nhà trường có số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, số lượng trẻ trong một lớp không vượt quá quy định của Điều lệ trường mầm non. Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức ăn bán trú và học 2 buổi/ngày theo chương trình GDMN. Trong các năm học vừa qua nhà trường không có năm nào vượt quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

3. Điểm yếu: Không có

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục tăng cường các biện pháp huy động tối đa số trẻ trong độ tuổi ra lớp, đặc biệt là trẻ từ 0-2 tuổi, duy trì và tổ chức tốt các nhóm, lớp đảm bảo số lượng trẻ/nhóm, lớp theo quy định. Huy động trẻ ra	CBQL, giáo viên	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Kế hoạch giáo dục trẻ em.	Trong các năm học tiếp theo	Không

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
lớp để giảm tải số lớp ghép				
Tiếp tục bố trí sắp xếp nhóm lớp cho trẻ phù hợp theo độ tuổi.	CBQL-GV-NV	Phân công nhiệm vụ	Năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

6. Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) *Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*

b) *Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

c) *Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

a) *Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ theo quy định tại Điều 21 Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định Điều lệ trường mầm non bao gồm các hồ sơ: Đối với nhà trường gồm Hồ sơ quản lý trẻ em [H1-1.5-01]; Hồ sơ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-01]; Kế hoạch phát triển nhà trường [H1-1.1-02] và kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục [H1-1.5-03]; Hồ sơ phổ cập giáo dục [H1-1.6-02]; Hồ sơ quản lý tài sản, tài chính [H1-1.6-03]; Hồ sơ quản lý các văn bản [H1-1.6-04]. Đối với tổ chuyên môn, tổ văn phòng: Kế hoạch hoạt động; Sổ ghi chép nội

dung sinh hoạt chuyên môn của tổ [H1-1.4-05]. Đối với giáo viên: Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo [H1-1.5-03]; Sổ theo dõi trẻ em [H1-1.5-01]; Sổ theo dõi tài sản, thiết bị, đồ chơi của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo [H1-1.6-05].

Hằng năm, nhà trường đều lập dự toán thực hiện công tác thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản được công khai hàng tháng theo quy định; định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản, lưu trữ chứng từ thu, chi, quyết toán đầy đủ và công khai theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và các quy định hiện hành. Có đầy đủ các chứng từ, lưu trữ theo quy định [H1-1.6-03]; [H1-1.6-06].

Hằng năm nhà trường đã làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc, giáo dục [H1-1.1-05]; [H1-1.6-03].

Mức 2:

Trong những năm học qua, nhà trường sử dụng có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành như: Phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia [1.5-02]; phần mềm phổ cập [1.6-07]; phần mềm Misa về quản lý công tác tài chính và tài sản [1.6-08]. Hệ thống máy tính được của nhà trường kết nối mạng Internet thực hiện các hoạt động trong nhà trường [H1-1.1-05].

Trong 5 năm liên tiếp nhà trường được các cấp kiểm tra đánh giá, kết luận thực hiện tốt việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản, lưu trữ các chứng từ đầy đủ, khoa học không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán các cấp [H1-1.6-09].

Mức 3:

Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn (kế hoạch vận động tài trợ), kế hoạch trung hạn (đề án vị trí việc làm) và kế hoạch dài hạn (chiến lược phát triển nhà trường) để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H1-1.1-01]; [H1-1.6-10]; [H1-1.6-11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ được lưu trữ đầy đủ theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hằng năm, đã làm tốt công tác lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục. Nhà trường sử dụng có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Trong 5 năm liên tiếp nhà trường được các cấp kiểm tra đánh giá, kết luận không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục rà soát, sắp xếp hệ thống hồ sơ khoa học theo đúng quy định.	CBQL-GV-NV	Kế hoạch thực hiện năm học tiếp theo	Năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo	Không
Tiếp tục duy trì và làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả	CBQL, tổ chuyên môn, tổ văn phòng	Kế hoạch thực hiện năm học tiếp theo	Trong các năm học tiếp theo	Không
Hàng năm, xây dựng kế hoạch vận động tài trợ tuyên truyền tới nhân dân, các đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội, các doanh nghiệp, các cá nhân và các bậc cha mẹ trẻ về công tác XHHGD nhằm nâng cao chất lượng CSGD trẻ trong nhà trường. Xây dựng đề án vị trí việc làm xác định số người làm việc cụ thể.	CBQL	Kế hoạch trung hạn, dài hạn để cải tạo nguồn tài chính	Trong năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.	Không
Kế toán nhà trường tham mưu cho Hiệu trưởng lập dự toán cần khảo sát nhu cầu đầu tư, mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất của đơn vị để lập dự toán sát với thực tế, đúng nguyên tắc để thực hiện bổ sung nâng cấp kịp thời.	CBQL, Kế toán.	Kế hoạch thực hiện năm học tiếp theo	Trong các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, bồi dưỡng thường xuyên, đưa ra các nội dung bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuyên môn cụ thể cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên [H1-1.7-01].

Hằng năm, nhà trường thực hiện phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo hợp lý, phù hợp với năng lực sở trường công tác, đảm bảo hiệu quả nhằm phát huy khả năng của mỗi cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.7-02].

100% cán bộ, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường mầm non: Được tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thân thể, được hưởng các quyền lợi về vật chất, tinh thần theo quy định; được tự chủ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn và nhà trường; được bảo đảm các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; được hưởng tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật; được tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, được hưởng nguyên lương, phụ cấp theo lương và các chế độ chính sách khác theo quy định khi được cấp có thẩm quyền cử đi học tập, bồi dưỡng. Được khen thưởng, tặng danh hiệu thi đua theo quy định; các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.1-05].

Mức 2:

Trong các năm qua, nhà trường có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên như: Phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với năng lực của từng người [H1-1.7-02]. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục viên chức, người lao động nâng cao nhận thức, ý thức; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý chỉ đạo; tăng cường công tác tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; tiếp tục đổi mới công tác thi đua khen thưởng gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ; công đoàn quan tâm động viên kịp thời cho đội ngũ giáo viên, đặc biệt ủng hộ giáo viên có hoàn cảnh khó khăn. Tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục góp phần phát triển và nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường [H1-1.1-05]; [H1-1.3-09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn theo quy định; phân công nhiệm vụ cụ thể, hợp lý, rõ ràng phù hợp với năng lực và điều kiện hoàn cảnh của từng người; đã sử dụng nhiều biện pháp phát huy được khả năng

của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong xây dựng, phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục của nhà trường. 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được bảo đảm các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL-GV-NV đạt hiệu quả cao.	CBQL, tổ trưởng, giáo viên, nhân viên	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Trong các năm học tiếp theo	Không
Thường xuyên rà soát các nội dung để điều chỉnh kịp thời. Quán triệt thực hiện tốt việc tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị do các cấp tổ chức.	CBQL	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Trong các năm học tiếp theo	Không
Thực hiện có hiệu quả, đúng kế hoạch về nội dung bồi dưỡng của nhà trường nhằm nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL-GV-NV.	CBQL, giáo viên.	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Trong các năm học tiếp theo	Không
Sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, duy trì đảm bảo đầy đủ các quyền lợi cho CBQL-GV-NV theo quy định.	CBQL	Phân công nhiệm vụ năm học. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học.	Trong các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) *Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường căn cứ vào chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành để chỉ đạo xây dựng chương trình giáo dục nhà trường, lựa chọn nội dung đảm bảo mục tiêu cuối độ tuổi, phù hợp với điều kiện của lớp, của trường và địa phương [H1-1.8-01].

Nhà trường chỉ đạo giáo viên xây dựng và thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục của nhóm/lớp triển khai đầy đủ nội dung, kết quả mong đợi trong chương trình giáo dục nhà trường đảm bảo đạt hiệu quả tốt các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo quy định của trường, của ngành và địa phương [H1-1.5-03].

Nhà trường, tổ chuyên môn phối hợp định kỳ kiểm tra, rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch giáo dục kịp thời cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp. Phù hợp với tình hình thực tế tại các thời điểm [H1-1.8-02].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của từng nhóm, lớp. Xác định nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường trong chương trình giáo dục nhà trường đề ra được các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả [H1-1.8-03]; [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng chương trình giáo dục nhà trường sát với chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành, đảm bảo mục tiêu cuối độ tuổi, phù hợp với điều kiện của lớp, điều kiện địa phương, thực tế của nhà trường và nhận thức của học sinh, triển khai thực hiện kế hoạch đầy đủ, hiệu quả. Đồng thời đưa ra các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch kịp thời phù hợp với tình hình thực tế. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Thường xuyên thực hiện và rà soát chương trình	CBQL, tổ chuyên	Chương trình giáo dục nhà	Năm học 2022–2023	Không

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
giáo dục nhà trường, kịp thời điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế.	môn, giáo viên	trường, kế hoạch năm học các khối lớp.	và các năm học tiếp theo	
Xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất việc thực hiện kế hoạch giáo dục của giáo viên tại các nhóm lớp.	CBQL	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Kế hoạch kiểm tra nội bộ.	Năm học 2022–2023 và các năm học tiếp theo	Không
Kịp thời tư vấn, thúc đẩy chất lượng xây dựng kế hoạch giáo dục của đội ngũ giáo viên.	CBQL, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên cốt cán	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Kế hoạch kiểm tra nội bộ.	Năm học 2022–2023 và các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hàng năm có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ trong nhà trường theo Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ; Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ GD&ĐT. Những việc nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động tham gia ý kiến: Chủ trương, giải pháp thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến kế hoạch, đề án, dự án, chiến lược, định hướng phát triển của cơ sở giáo dục; kế hoạch năm học, học kỳ, tháng của cơ sở giáo dục; tổ chức phong trào thi đua của cơ sở giáo dục; báo cáo sơ kết, tổng kết của cơ sở giáo dục; các

biện pháp cải tiến tổ chức, hoạt động và lề lối làm việc; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống quan liêu; kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động; thực hiện chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động; các nội quy, quy chế của cơ sở giáo dục [H1-1.1-06]; [H1-1.9-01].

Trong những năm qua, nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường [H1-1.3-09].

Hằng năm, nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị [H1-1.9-01].

Mức 2:

Hội đồng trường và Ban thanh tra nhân dân của nhà trường giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ như: Công khai chất lượng chăm sóc giáo dục, chất lượng đội ngũ, chất lượng trẻ, tài chính, tài sản, các kế hoạch của nhà trường, việc bình xét các danh hiệu thi đua, xét nâng lương, các văn bản liên quan đến chế độ chính sách cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và kết quả xã hội hóa một cách công khai, minh bạch trên bảng tin, bảng công khai, báo cáo tổng kết năm học của nhà trường [H1-1.1-07]; [H1-1.9-02].

2. Điểm mạnh

Hằng năm, nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ, đảm bảo 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ. Công tác dân chủ tại đơn vị được chú trọng nên không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị. Hội đồng trường và Ban thanh tra nhân dân có các biện pháp, cơ chế giám sát việc thực hiện theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch dưới mọi hình thức trong các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường thực hiện tốt công tác dân chủ, công khai minh bạch, phát huy quyền dân chủ của CBQL-GV-NV trong việc góp ý nội quy quy chế, quy định liên quan đến các hoạt động của nhà trường.	CBQL	Quy chế dân chủ. Bảng công khai.	Trong năm học 2022-2023 các năm học tiếp theo	Không

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Ban thanh tra nhân dân, Hội đồng trường và nhân dân trên địa bàn phát huy vai trò của mình trong việc giám sát thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường.	Ban thanh tra nhân dân, hội đồng trường, nhân dân trên địa bàn	Quy chế hoạt động các đoàn thể, Quy chế dân chủ.	Trong các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích, an toàn phòng, chống chất nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, xây dựng đầy đủ các loại phương án thực hiện theo giai đoạn, theo năm học như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; phương án vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; phương án trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích [H1-1.10-03]; phương án phòng cháy, chữa cháy [H1-1.10-04]; phương án phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-05]; phương án phòng chống dịch bệnh [H1-

1.10-06]; phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-07]; Nhà trường tổ chức bếp ăn cho trẻ và đã ký bản cam kết đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm với Chi cục vệ sinh an toàn thực phẩm và Phòng giáo dục và đào tạo [1.10-08].

Nhà trường có hộp thư góp ý được để ở nơi thuận lợi, có số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh, của người dân và các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến [1.10-09].

Trong những năm học qua, không có trường hợp nào có hiện tượng kỳ thị, không có CBQL-GV-NV nào có hành vi bạo lực trẻ em và những hành vi, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.3-09]. Hằng năm, nhà trường được UBND Điện Biên công nhận trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích [H1-1.10-03].

Mức 2:

Nhà trường đã phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện các phương án như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; phương án vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; phương án trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích [H1-1.10-03]; Phương án phòng cháy, chữa cháy [H1-1.10-04]; phương án phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-05]; phương án phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-06]; phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-07]; [H1-1.1-05].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.10-01]; [H1-1.10-07]. Trong các năm học không có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường trong nhà trường [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án theo quy định, phổ biến, hướng dẫn thực hiện có hiệu quả tới toàn thể CBQL-GV-NV, học sinh. Có hộp thư góp ý và đường dây nóng để ở nơi thuận tiện để cho CBQL-GV-NV, phụ huynh học sinh và các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực trong nhà trường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Không có trường hợp nào bị kỳ thị, không có CBQL-GV-NV nào có hành vi bạo lực trẻ em và những hành vi vi phạm pháp luật khác trong nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục triển khai,	CBQL-GV-	Phương án:	Trong các	Không

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
phổ biến thực hiện hiệu quả các phương án, văn bản pháp luật để đảm bảo tuyệt đối an toàn tính mạng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong năm học 2022-2023 và những năm học tiếp theo.	NV cha mẹ trẻ, nhân dân trên địa bàn.	Phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ, phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy, an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai, phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường, vệ sinh an toàn thực phẩm.	năm học tiếp theo	
Tăng cường công tác phối hợp với các ban ngành ở địa phương như: Trạm y tế xã, Hệ Muông, Công an xã, Hội phụ nữ xã, Đoàn TNCSHCM... xây dựng các phương án đạt hiệu quả	CBQL-GV-NV, Trạm y tế xã, Công an xã, Hội phụ nữ xã, Đoàn TNCSHCM xã Hệ Muông.	Phương án: Phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ, phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy, phòng chống thảm họa thiên tai, phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường, vệ sinh an toàn thực phẩm.	Trong các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về tiêu chuẩn 1:

Trường mầm non xã Hệ Muông đã xây dựng kế hoạch đề ra phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2025, xây dựng chiến lược và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ theo từng năm học và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; Có chi bộ Đảng và các đoàn thể hoạt động theo đúng quy định; có hiệu

trưởng, các phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng đủ theo quy định. Các tổ khối hoạt động hiệu quả, được định kì rà soát đánh giá và điều chỉnh.

Hằng năm, nhà trường có số lượng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định, được phân chia theo độ tuổi và lớp ghép. 100% trẻ được học 2 buổi/ngày, nhà trường có không quá 02 trẻ em cùng một dạng khuyết tật học hòa nhập trong một lớp, số trẻ/lớp đảm bảo không vượt quá quy định. Hằng năm, nhà trường có không quá 20 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ và được lưu trữ theo quy định của Luật lưu trữ; hằng năm quản lý tài chính, lập dự toán thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản đúng mục đích, có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Nhà trường chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp với điều kiện của nhà trường, thực tế địa phương. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ giáo viên, nhân viên. Thực hiện phân công, sử dụng cán bộ hợp lý, hiệu quả, đảm bảo được các quyền, chế độ theo quy định. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với quy định, điều kiện thực tế, đảm bảo mục tiêu giáo dục, định kỳ có rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời, chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ đạt hiệu quả. Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ, hằng năm có báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở với phòng GD&ĐT đúng quy định. Thực hiện nghiêm túc quy chế, các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học được nhà trường công khai, minh bạch. Công tác an ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo, không có hiện tượng kỳ thị bạo lực, vi phạm pháp luật trong nhà trường.

- *Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10 tiêu chí (Mức 1, 2: 10 tiêu chí; mức 3: 4 tiêu chí).*

- *Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/10 tiêu chí.*

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu

Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết, có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn. Chất lượng, năng lực đội ngũ từng bước được nâng lên đáp ứng với nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ theo Chương trình giáo dục mầm non và yêu cầu đổi mới về GDMN trong giai đoạn hiện nay. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng của nhà trường có nhiều năm công tác liên tục trong ngành GDMN, có trình độ đào tạo trên chuẩn, có năng lực quản lý và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin tốt trong quản lý và chỉ đạo chuyên môn. 3/3 đồng chí cán bộ quản lý có trình độ Trung cấp lý luận chính trị và hoàn thành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý. Đội ngũ CBQL-GV-NV đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, được bố trí công việc phù hợp với vị trí việc làm, giúp phát huy khả năng, năng lực của từng cá nhân. Đội ngũ giáo viên, nhân viên thường xuyên được bồi dưỡng và tập huấn về chuyên

môn, nghiệp vụ, được đảm bảo các quyền lợi, chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành. Hằng năm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đánh giá xếp loại theo chuẩn hiệu trưởng từ mức khá trở lên, giáo viên được đánh giá, xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức đạt trở lên, không có CBQL-GV-NV vi phạm pháp luật. Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm và được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn cán bộ quản lý trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn cán bộ quản lý ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định, được giáo viên nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn cán bộ quản lý ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn cán bộ quản lý ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng đều đáp ứng được các tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 Ban hành Điều lệ trường mầm non. Hiệu trưởng Phạm Thị Hương có thời gian công tác liên tục trong trường mầm non 17 năm; phó hiệu trưởng Trần Thị Làn có thời gian công tác liên tục trong trường mầm non là 16 năm; phó hiệu trưởng Bùi Thị Dung có thời gian công tác liên tục trong trường mầm non là 12 năm [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều có bằng đại học sư phạm mầm non, có bằng trung cấp lý luận chính trị, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục, có uy tín về chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ; đủ sức khỏe và năng lực tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

Hằng năm, hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng được Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên đánh giá xếp loại theo chuẩn hiệu trưởng đạt từ khá trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-03].

Hàng năm, cán bộ quản lý được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục như: Bồi dưỡng chính trị, bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuyên đề các cấp [H2-2.1-04].

Mức 2:

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng được Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên đánh giá xếp loại chuẩn hiệu trưởng đạt từ khá trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non, cụ thể: Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2020-2021 hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng được đánh giá xếp loại khá. Năm học 2021-2022 hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng được đánh giá xếp loại tốt [H2-2.1-03].

Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng có bằng trung cấp lý luận chính trị [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]. Trong quá trình công tác hiệu trưởng, phó hiệu trưởng luôn được sự tín nhiệm của tập thể giáo viên, nhân viên trong trường đánh giá tốt về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực chuyên môn nghiệp vụ, luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ, được lãnh đạo các cấp đánh giá cao và khen thưởng [H2-2.1-05]; [H2-2.1-06].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều được đánh giá xếp loại chuẩn hiệu trưởng trường mầm non ở mức khá trở lên, trong đó: Năm học 2021-2022 hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được đánh giá xếp loại tốt [H2-2.1-03].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng nhà trường đảm bảo các yêu cầu theo quy định về trình độ đào tạo, năm công tác theo quy định. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục, lý luận chính trị. Cán bộ quản lý có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động của nhà trường, luôn được đồng nghiệp tín nhiệm. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được phòng GD&ĐT đánh giá xếp loại khá trở lên theo chuẩn hiệu trưởng trường mầm non, trong đó: Năm học 2021-2022 hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được đánh giá xếp loại tốt.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tiếp tục tham gia bồi dưỡng, nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục để được đánh giá	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Kế hoạch bồi dưỡng; Thông tư 25/2018/TT-BGDĐT ngày 8/10/2018 quy	Năm học 2022-2023 và những năm tiếp	Không

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
xếp loại tốt theo chuẩn hiệu trưởng trường mầm non.		định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non.	theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2022-2023 nhà trường có 17 giáo viên (Trong đó nhà trẻ: 8 giáo viên, mẫu giáo: 9 giáo viên), tỷ lệ giáo viên/nhóm trẻ là 2,0 giáo viên; tỷ lệ giáo viên/lớp mẫu giáo là 1,3 giáo viên, đảm bảo đủ về số lượng, bố trí hợp lý về cơ cấu đáp ứng thực hiện chương trình GDMN theo quy định tại Thông

tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở GDMN công lập [H1-1.7-02].

100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn trình độ đào tạo trở lên theo quy định, trong đó trên chuẩn là 15/17 giáo viên, đạt 88,2% [H2-2.2-01].

Tính đến thời điểm đánh giá, 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức đạt trở lên [H2-2.2-02].

Mức 2:

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo, trong đó trên chuẩn 15/17 giáo viên, đạt 88,2%; tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H2-2.2-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức đạt trở lên, cụ thể: Năm học 2018-2019 tốt 1/16 đạt 6,3%; khá 13/16 đạt 81,3%; đạt 2/16 đạt 12,4%; năm học 2019-2020 tốt 2/19 đạt 10,5%; khá 12/19 đạt 63,2%; đạt 4/19 đạt 26,3%; năm học 2020-2021 tốt 7/17 đạt 41,2%; khá 9/17 đạt 52,9%; xếp loại đạt 1/17 đạt 5,9%; năm học 2021-2022 tốt 7/16 đạt 43,8%; khá 9/16 đạt 56,2% [H2-2.2-02].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.3-09]; [H2-2.2-02].

Mức 3:

Nhà trường có 15/17 giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt 88,2% , 2/17 giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đạt 11,8 % [H2-2.2-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 87,6% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức khá trở lên, cụ thể: Năm học 2018-2019 xếp loại tốt 6,3%; khá 81,3%; xếp loại đạt 12,4%; năm học 2019-2020 xếp loại tốt 10,5%; khá 63,2%; xếp loại đạt 26,3%; năm học 2020-2021 tốt 41,2%; khá 52,9%; xếp loại đạt 5,9%; năm học 2021-2022 xếp loại tốt 43,8%; xếp loại khá 56,2% [H2-2.2-02].

2. Điểm mạnh

Hằng năm, nhà trường có đủ số lượng giáo viên, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình GDMN theo quy định. 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn. Hằng năm, công tác đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp được triển khai và thực hiện nghiêm túc. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có ít nhất 87,6% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên.

Giáo viên của trường có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực sư phạm vững vàng, tâm huyết, sáng tạo trong việc nuôi dưỡng, CSGD được cha mẹ trẻ em và nhân dân tin tưởng, yêu mến. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu: Không**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Bổ trí đội ngũ giáo viên hợp lý đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định.	CBQL	Thông tư 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015.	Năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo	Không
Tăng cường bồi dưỡng cho giáo viên phát triển phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của GVMN theo các tiêu chuẩn về chuẩn nghề nghiệp GVMN và bồi dưỡng thường xuyên GVMN. Đội ngũ giáo viên tăng cường tự học tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực cá nhân.	CBQL, Giáo viên	Thông tư 12/2019/TT-BGDĐT ngày 26/12/2019 ban hành chương trình bồi dưỡng GVMN; Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ngày 8/10/2018 quy định chuẩn nghề nghiệp GVMN. Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn	Trong năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên***Mức 1:*

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do cán bộ quản lý phân công;
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;
- c) Hoàn hành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ nhân viên theo quy định gồm: 01 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên văn thư, thủ quỹ, 01 nhân viên kế toán kiêm nhiệm, 01 nhân viên y sĩ; 03 nhân viên nấu ăn hợp đồng ngắn hạn, riêng điểm trường Công Bình, điểm trường Loọng Sọt do số lượng học sinh/lớp ít nên nhà trường thỏa thuận với 02 phụ huynh học sinh tham gia nấu ăn cho trẻ tại điểm trường [H1-1.6-01]; [H1-1.7-02]; [H2-2.3-01].

Các nhân viên trong nhà trường được hiệu trưởng phân công công việc rõ ràng, phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn và nhu cầu lao động của từng người [H1-1.7-02].

Nhân viên trong nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao, thực hiện đúng nội quy, quy chế chuyên môn, nghiệp vụ, làm tốt công tác quản lý tài chính, tài sản, công tác tổ chức nấu ăn cho trẻ, công tác chăm sóc sức khỏe và bảo quản tốt cơ sở vật chất trong nhà trường, hằng năm đội ngũ nhân viên luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H1-1.1-05]; [H2-2.3-02].

Mức 2:

Nhà trường có đủ nhân viên, kể cả biên chế, hợp đồng theo nghị định 161 và hợp đồng ngắn hạn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập đảm bảo về số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định [H1-1.6-01]; [H1-1.7-02]; [H2-2.3-03].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100% nhân viên trong nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, không có nhân viên bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.3-09]; [H2-2.3-02].

Mức 3:

Nhà trường có đội ngũ nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: Nhân viên văn thư thủ quỹ có bằng tốt nghiệp trung cấp, nhân viên kế toán có bằng tốt nghiệp cao đẳng, nhân viên y tế có bằng tốt nghiệp trung cấp, hằng năm nhân viên bảo vệ và nhân viên nấu ăn được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ [H2-2.3-01]; [H2-2.3-04].

Hằng năm, nhân viên y tế phụ trách công tác bán trú được bồi dưỡng công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy [H2-2.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định tại thông tư 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015. Nhân viên trong nhà trường được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ đào tạo và năng lực làm việc thực tế của

mỗi cá nhân. Nhân viên nấu ăn được tập huấn vệ sinh an toàn thực phẩm. 100% nhân viên thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Hằng năm được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm. Trong 05 liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu: Nhà trường chưa có kế hoạch bồi dưỡng kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm cho nhân viên nấu ăn của trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng đề án vị trí việc làm tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện bổ sung thêm 01 nhân viên y tế chuyên trách, đảm bảo đủ định mức số lượng.	CBQL	Đề án vị trí việc làm	Năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo	Không
Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn cho nhân viên y tế, nhân viên kế toán, nhân viên nấu ăn.	CBQL, nhân viên y tế, nấu ăn	Kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ y tế, kế toán, nấu ăn, VSATTP.	Năm học 2022- 2023 và các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận tiêu chuẩn 2

Trường Mầm non xã Hẹ Muông có đội ngũ CBQL-GV-NV đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, đáp ứng được các yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo quy định. Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng có bằng đại học sư phạm, có nhiều năm công tác liên tục trong ngành giáo dục, tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý giáo dục, lý luận chính trị, có đủ sức khỏe để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm. Trong 05 năm liên tục đến thời điểm được đánh giá, hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng được đánh giá xếp loại theo chuẩn hiệu trưởng từ khá trở lên, trong đó năm học 2021-2022 xếp loại tốt. Hằng năm, nhà trường có đủ số lượng giáo viên, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình GDMN theo quy định. 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn, trong đó trên chuẩn đạt 88,2%. Giáo viên của trường có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực sư phạm vững vàng, tâm huyết, sáng tạo trong việc nuôi dưỡng, CSGD trẻ được cha mẹ trẻ em và nhân dân tin tưởng, yêu mến. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Nhà trường có đủ nhân viên theo quy định, các nhân viên trong nhà trường được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ đào tạo và năng lực làm việc thực tế, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên, nhân viên bị kỷ luật.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3 tiêu chí (Mức 1, 2: 3 tiêu chí; mức 3: 2 tiêu chí).

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/3 tiêu chí.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mở đầu:

Cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường là yếu tố quan trọng để thực hiện tốt nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Chính vì lẽ đó nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng chăm sóc giáo dục, mua sắm trang thiết bị để đáp ứng yêu cầu dạy và học. Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng ở cả Trung tâm và các điểm trường với khuôn viên riêng biệt, có tường, hàng rào bao quanh. Có cổng trường, biển tên trường, tường và hàng rào bao quanh ngăn cách với bên ngoài. Có nguồn nước sạch đảm bảo cho các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường, hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Có vườn cây cho trẻ chăm sóc, có sân chơi với các đồ chơi ngoài trời đảm bảo về số lượng, an toàn theo quy định, đảm bảo về diện tích và các thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Nhà bếp được vận hành theo quy trình bếp 1 chiều. Nhà vệ sinh không ô nhiễm, đảm bảo diện tích và có các thiết bị vệ sinh theo quy định. Có đủ các loại phòng hành chính - quản trị với các thiết bị tối thiểu tại các phòng đảm bảo theo quy định.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài, có sân chơi, nhóm, lớp: có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa đẹp: Có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao hồ (nếu có).

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổng diện tích khu đất xây dựng 5.317m² (Trong đó: Trung tâm: 2.904 m², điểm trường Na Dôn- Sái Lương 841 m², điểm trường Lọng Sọt 500m², điểm trường Công Bình 576 m², điểm trường Na Côm 496m²). Tổng số trẻ toàn trường là 231 trẻ, bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định (23m²/trẻ), các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố và bán kiên cố [H3-3.1-01].

Có cổng trường, biển tên trường đúng theo quy định tại Điều 5 của Điều lệ trường mầm non. Trung tâm và các điểm trường đều có tường bao, hàng rào thép B40 bao quanh. Khuôn viên trung tâm trường và các điểm trường được dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ, phù hợp cảnh quan môi trường thân thiện, an toàn cho trẻ vui chơi và học tập [3.1-02].

Trường có 05 sân chơi tại trung tâm và các điểm trường với tổng diện tích là 1.100m², được quy hoạch và thiết kế bố trí phù hợp được lát xi măng bằng phẳng, không trơn trượt, mát mẻ, được sử dụng để tổ chức các hoạt động tập thể đảm bảo an toàn cho tất cả trẻ đều được sử dụng. Có 05 vườn cây xanh (tại trung tâm và 04 điểm trường) với diện tích là 290m² phù hợp với điều kiện của nhà trường, thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa gọn gàng tạo bóng mát cho trẻ hoạt động khám phá trải nghiệm. Có hiên chơi với tổng diện tích 80m², thuận tiện cho việc đưa đón và sinh hoạt của trẻ. Hành lang với diện tích 220m², lan can phía trước cao trên 1m cho các nhóm, lớp thuận lợi dành cho trẻ hoạt động, đảm bảo theo quy định [3.1-02]; [H3-3.1-03].

Mức 2:

Nhà trường có diện tích xây dựng công trình là 1.000m², và diện tích sân vườn 4.000m², diện tích sân chơi 1.100m² ở trung tâm và các điểm trường đảm bảo theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non diện tích [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

Xung quanh Trung tâm trường và các điểm trường Na Dôn- Sái Lương; Lọng Sọt; Công Bình; Na Côm đều có tường bao được xây kiên cố, hàng rào thép B40. Trung tâm và các điểm trường có sân chơi, bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa gọn gàng, vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc và tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm, khám phá, học tập [3.1-02].

Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non khu vực trẻ chơi thường xuyên vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo an toàn ngăn cách với bên ngoài [3.1-02]; [H3-3.1-05].

Mức 3:

Nhà trường có sân vườn với diện tích 3800m², có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ giáo dục và tạo ban hành và hằng năm có bổ sung các thiết bị đồ chơi ngoài phù hợp với thực tế của nhà trường đảm bảo an toàn cho trẻ [3.1-02]; [H3-3.1-05].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ diện tích đất sử dụng 5.317 m², bình quân 23m²/trẻ, diện tích xây dựng bình quân tối thiểu cho trẻ đảm bảo theo quy định. Các công trình được xây dựng kiên cố, bán kiên cố, có đầy đủ cổng, biển tên trường, xung quanh điểm trung tâm và các điểm trường có tường bao xây kiên cố, hàng rào thép B40 bao quanh đảm bảo an toàn cho trẻ. Có sân chơi, hiên chơi thuận tiện cho việc đưa đón và sinh hoạt của trẻ. Các dãy nhà đều có hành lang, lan can cao trên 1m cho các nhóm, lớp, các phòng ban thuận lợi dành cho trẻ và đảm bảo theo quy định. Trung tâm và các điểm trường có bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát, có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, khám phá, học tập; có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời, đồ chơi tự tạo cho trẻ.

3. Điểm yếu: Trung tâm và 04 điểm trường có hàng rào thép B40 chưa có tường bê tông kiên cố.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát huy những điểm mạnh như: tu sửa bảo dưỡng các công trình đã được xây dựng, sân chơi, hiên chơi..., bảo quản sử dụng tốt đồ dùng đồ chơi; thường xuyên bổ xung, chăm sóc vườn cây, bồn	CBQL-GV-NV	Kế hoạch xây dựng và tu sửa cơ sở vật chất.	Năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo	50.000.000 đồng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
hoa... cho trẻ khám phá, học tập.				
Nhà trường huy động các nguồn xã hội hóa, các đơn vị kết nghĩa làm lán xe điếm trường Na Dôn- Sái Lương, Lọng Sọt; Công Bình xây bồn hoa, Trung Tâm vẽ tranh tường.	CBQL- GV-NV và các đơn vị kết nghĩa, Đoàn TNCSHCM xã.	Kế hoạch xây dựng và tu sửa cơ sở vật chất.	Năm học 2022-2023 làm lán xe điếm Na Dôn- Sái Lương, xây bồn hoa điếm Công Bình, vẽ tranh tường điếm Trung Tâm Năm 2024-2025 xây tường bao điếm Công Bình	35.000.000 đồng 20.000.000 đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 11 phòng học/11 nhóm, lớp (trong đó 04 phòng cho nhóm trẻ 25-36 tháng; 02 phòng lớp mẫu ghép 3-4 tuổi; 02 phòng lớp mẫu giáo ghép 4-5 tuổi; 03 phòng lớp mẫu giáo ghép 3-4-5 tuổi) [3.1-02]; [H3-3.1-04].

Nhà trường có 11 phòng sinh hoạt chung (tại trung tâm và điểm Na Dôn có 2 phòng ngủ riêng cho nhóm trẻ và mẫu giáo; các điểm trường như Lọng Sọt, Công Bình, Na Côm phòng sinh hoạt chung vừa là phòng tổ chức cho trẻ học tập và vui chơi, vừa làm phòng ngủ cho trẻ). Trung tâm có 01 phòng giáo dục thể chất và 04 điểm trường có khu để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất với đầy đủ đồ dùng đảm bảo đáp ứng được các hoạt động phát triển giáo dục thể chất cho trẻ; Trung tâm có 01 phòng giáo dục nghệ thuật trang bị đầy đủ đồ dùng (Gương, đàn, trang phục...) phục vụ cho việc giáo dục nghệ thuật cho trẻ [3.1-02]; [H3-3.1-04].

Các nhóm lớp có hệ thống bóng điện đủ ánh sáng, có quạt điện đảm bảo cho hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học đầy đủ cho các nhóm, lớp [3.1-02]; [H3-3.1-05].

Mức 2:

Trung tâm và 04 điểm trường đều có đủ phòng sinh hoạt chung đảm bảo diện tích 1,7m²/trẻ. Thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, 02 phòng ngủ tại Trung tâm và điểm trường Na Dôn - Sái Lương có đủ chăn, chiếu, gối, quạt, hệ thống tủ đựng các đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ, thuận tiện khi sử dụng. Nhà trường có 01 phòng giáo dục nghệ thuật với diện tích 50m², gồm các thiết bị như: đàn, gương, trang phục, dụng cụ âm nhạc và 01 phòng giáo dục thể chất diện tích 50m² ở trung tâm trường, các điểm trường đều có khu thể chất, có các đồ dùng, thiết bị, đồ chơi phát triển vận động đảm bảo đầy đủ đạt chuẩn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [3.1-02]; [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

11/11 nhóm, lớp có đầy đủ hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, tủ đồ dùng cá nhân, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, được sắp xếp hợp lý, an toàn thuận tiện khi sử dụng [3.1-02]; [H3-3.1-05].

Mức 3:

Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học. Trung tâm có 01 phòng âm nhạc cho trẻ hoạt động, các điểm trường Lọng Sọt, Na Côm, Công Bình, Na Dôn-Sái Lương phòng âm nhạc sử dụng chung với phòng sinh hoạt chung [3.1-02]; [H3-3.1-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng sinh hoạt chung đảm bảo diện tích bình quân 1,7m²/trẻ, có 02 phòng ngủ cho trẻ tại Trung tâm và 01 điểm trường, có đủ chăn, chiếu, gối, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Các nhóm, lớp có hệ thống bóng điện, quạt điện đảm bảo cho hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Các phòng học đều có hệ thống tủ, kệ, giá để đồ dùng đồ chơi đảm bảo và được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn khi sử dụng. Nhà trường có phòng nghệ

thuật để tổ chức cho trẻ hoạt động nghệ thuật, có 01 phòng giáo dục thể chất tại trung tâm trường và các điểm trường đều có khu giáo dục thể chất đủ đồ dùng, đồ chơi để phát triển vận động cho trẻ, đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học. Các điểm trường Lọng Sọt, Na Côm, Công Bình chưa có phòng ngủ riêng cho trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh như bảo quản, sử dụng có hiệu quả các phòng, lớp học, đồ dùng, đồ chơi hiện có.	CBQL- GV- NV	Kế hoạch phát triển nhà trường	Năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo	
Nhà trường xây dựng kế hoạch và đề ra những giải pháp cụ thể để huy động các nguồn lực trên địa bàn xã, tranh thủ các nguồn tài trợ, các tổ chức cá nhân để xây dựng thêm phòng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học, phòng ngủ trong năm học 2022-2023.	CBQL	Kế hoạch XHHGD	Năm học 2022 - 2023 và các năm học tiếp theo	
Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng, bảo quản các trang thiết bị, đồ dùng, tại các phòng, có kế hoạch bổ sung trang thiết bị cần thiết cho các khối phòng đa chức năng của nhà trường.	CBQL- GV- NV	Kế hoạch kiểm tra nội bộ	Năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Có các loại phòng theo quy định;
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Đảm bảo diện tích theo quy định;

b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có các khối phòng hành chính-quản trị theo quy định tại khoản 1, điều 6 Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT: Văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính-quản trị, phòng họp, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên, khu vệ sinh cho CBQL-GV-NV, khu để xe cho cán bộ, giáo viên nhân viên [3.1-02]; [H3-3.1-04].

Văn phòng trường có đầy đủ bàn ghế họp, bảng biểu, trang thiết bị cho cán bộ, giáo viên, nhân viên họp và tổ chức các hoạt động khác; phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có tủ, bàn làm việc, máy tính, bàn ghế tiếp khách và các phương tiện làm việc; phòng y tế có giường bệnh, tủ thuốc và các bảng biểu; phòng hành chính - quản trị có bàn ghế, máy tính, tủ; phòng họp có đầy đủ các thiết bị theo quy định; phòng dành cho nhân viên có bàn ghế, tủ; phòng bảo vệ có bàn ghế, đồng hồ, sổ theo dõi khách, đồ dùng, thiết bị đảm bảo theo yêu cầu [3.1-02]; [H3-3.1-05].

Trung tâm trường, điểm trường Lọng Sọt, Na Dôn- Sái Lương có khu để xe dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, được bố trí, sắp xếp hợp lý đảm bảo an toàn, khoa học [3.1-02]; [H3-3.1-04].

Mức 2:

Văn phòng trường có diện tích 50m²; phòng Hiệu trưởng có diện tích 20m², phòng các phó hiệu trưởng diện tích 20m², phòng hành chính - quản trị có diện tích 18m², phòng bảo vệ có diện tích 9m²; phòng dành cho nhân viên có diện tích 15m², phòng y tế có diện tích 18m², phòng họp có diện tích 30m² các phòng đủ diện tích đảm bảo quy định theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 [3.1-02]; [H3-3.1-03].

Khu để xe dành cho CBQL-GV-NV đều có mái che đảm bảo an toàn tiện lợi, được bố trí hợp lý đảm bảo đủ cho xe cho CBQL-GV-NV [3.1-02].

Mức 3:

Số lượng, diện tích các phòng hành chính - quản trị của nhà trường đảm bảo đủ theo Tiêu chuẩn quốc gia 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non: Văn phòng trường có diện tích 50m²; phòng hiệu trưởng có diện tích 20m², phòng các phó hiệu trưởng có diện tích 20m², phòng bảo vệ có diện tích 9m², phòng

hành chính - quản trị có diện tích 18m², phòng dành cho nhân viên có diện tích 15m², phòng y tế có diện tích 18m², phòng họp có diện tích 30m² các phòng được đặt ở vị trí thuận tiện cho công tác quản lý, sử dụng. Khu vệ sinh giành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí thuận tiện [3.1-02]; [H3-3.1-03].

2. Điểm mạnh

Số lượng, diện tích các phòng hành chính - quản trị của nhà trường đảm bảo đủ theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non: Văn phòng đủ đồ dùng và thiết bị phục vụ cho các hoạt động; phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng được đặt ở vị trí thuận tiện cho công tác quản lý; phòng bảo vệ có vị trí quan sát thuận lợi; phòng y tế có vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu; phòng dành cho nhân viên có diện tích và đồ dùng đảm bảo, khu vệ sinh giành cho CBQL-GV-NV được bố trí thuận tiện; phòng hành chính - quản trị có bàn ghế, máy tính, tủ; có phòng họp được bố trí vị trí thuận tiện, có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác CSGD trẻ trong nhà trường. Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại trung tâm và điểm trường (Loong Sọt, Na Dôn) được bố trí hợp lý, có mái che đảm bảo an toàn.

3. Điểm yếu: Điểm trường Công Bình, Na Côm chưa bố trí được khu để xe cho giáo viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát huy những điểm mạnh và xây dựng kế hoạch. và đề ra những giải pháp cụ thể để nâng cấp tu sửa các hạng mục công trình và sử dụng có hiệu quả thiết bị các khối phòng hành chính - quản trị nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, làm tốt công tác XHHGD để làm khu để xe ở điểm Na Côm, Công Bình.	CBQL-GV- NV	Kế hoạch tu sửa cơ sở vật chất hàng năm.	Năm 2022-2023 và các năm học tiếp theo	40.000.000 đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;

b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;

c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường Mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 05 bếp ăn (01 bếp ăn tập thể ở khu trung tâm và 4 bếp ăn tại 4 điểm trường), bếp ăn ở trung tâm và các điểm trường được xây dựng bán kiên cố, đảm bảo theo quy định bếp ăn một chiều [3.1-02]; [H3-3.1-04].

Kho chứa thực phẩm được phân chia thành khu vực riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm như cách mặt đất 20cm, cách tường 10cm, có cửa sổ thoáng, có tủ để thực phẩm khô được sắp xếp gọn gàng ngăn nắp, dễ để lấy [3.1-02].

Có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, thực hiện lưu mẫu đúng quy định được bảo quản sau 24 giờ, tủ lạnh được kiểm tra vệ sinh sạch sẽ thường xuyên [3.1-02]; [H3-3.1-05].

Mức 2:

Nhà bếp của trường và các điểm trường có tổng diện tích 95m² (trong đó: bếp ăn Trung tâm 30m²; bếp ăn điểm trường Na Dôn-Sái Lương 20m², Lọng Sọt Na Côm, Công Bình 15m²) đảm bảo 0,41m²/trẻ theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn được thiết kế và tổ chức theo quy trình hoạt động bếp một chiều. Có đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường như: Nồi cơm điện, bát, thìa inox, đĩa, chạn đựng đồ dùng, dụng cụ chế biến thực phẩm đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn hàng ngày, có nguồn nước sạch đảm bảo cho sinh hoạt hàng ngày, nhà bếp có đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy, có nguồn nước sạch đảm bảo cho sinh hoạt hàng ngày và có thùng đựng rác đảm bảo việc xử lý các chất thải đúng quy định [3.1-02]; [H3-3.1-03]; [H3-3.1-05]; [H3-3.4-01].

Mức 3:

Nhà trường có 5/5 bếp ăn tại Trung tâm và các điểm trường được xây dựng bán kiên cố thông thoáng, đủ ánh sáng, có đủ các phương tiện phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Dụng cụ chứa thức ăn và sử dụng để ăn, uống được làm bằng nhôm, inox dễ làm vệ sinh, không ô nhiễm, không có yếu tố độc hại, có phương tiện bảo quản thực phẩm, có hệ thống cung cấp nước sạch có phương tiện phân loại, thu gom, vận chuyển rác, thực phẩm, thức ăn thừa; thùng đựng rác được làm bằng vật liệu chắc chắn có nắp đậy và thuận tiện cho việc làm vệ sinh Các bếp ăn ở điểm trường (Na Côm, Na Dôn-Sái Lương, Lọng Sọt, Công Bình)

chưa được phân chia riêng biệt kho lương thực và kho thực phẩm [3.1-02]; [H3-3.1-04]; [H3-3.1-05]; [H3-3.4-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và các điểm trường bếp ăn được xây dựng bán kiên cố và hoạt động theo quy trình một chiều, có kho để dự trữ thực phẩm được phân chia theo từng khu vực. Nhà bếp có đủ diện tích theo quy định, thông thoáng, đủ ánh sáng, có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, đủ dụng cụ, đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường, có đủ đồ dùng để làm vệ sinh và khử trùng. Có đủ nước sạch phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày. Hệ thống xử lý rác thải, nước thải hợp vệ sinh.

3. Điểm yếu:

Các bếp ăn ở điểm trường Na Côm, Na Dôn - Sái Lương, Lọng Sọt, Công Bình chưa phân chia riêng biệt kho lương thực và kho thực phẩm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát huy những điểm mạnh, huy động kinh phí từ mọi nguồn để mua sắm, bổ sung, tu sửa trang thiết bị, đồ dùng, dụng cụ nhà bếp.	CBQL	Kế hoạch phát triển nhà trường, tờ trình	Đầu năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.	5.000.000 đồng
Huy động nguồn xã hội hóa để tu sửa, bổ xung đảm bảo kho lương thực và kho thực phẩm riêng biệt tại điểm trường Na Côm, Na Dôn-Sái Lương, Lọng Sọt, Công Bình.	CBQL	Kế hoạch phát triển nhà trường, kế hoạch tu sửa cơ sở vật chất, tờ trình	Đầu năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.	40.000.000 đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ đồ dùng, đồ chơi, các thiết bị đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H3-3.1-05].

Hằng năm nhà trường chỉ đạo các nhóm lớp tự làm bổ sung đồ dùng, đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ dưới nhiều hình thức: Chấm đồ dùng đồ chơi theo từng chủ đề, tổ chức Hội thi phụ huynh cùng làm đồ dùng đồ chơi. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thích phù hợp với trẻ [3.1- 02]; [H3-3.5-01].

Các thiết bị của nhà trường hằng năm được kiểm kê, định kỳ vào đầu năm và cuối năm học, nhà trường thường xuyên xây dựng kế hoạch kiểm tra các thiết bị đồ dùng để sửa chữa, bổ sung nâng cấp đáp ứng với nhu cầu tổ chức hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ tại các điểm trường, nhóm, lớp [H3-3.1-05].

Mức 2:

100% máy tính trong nhà trường được kết nối Internet, Wifi phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [3.1- 02].

Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại Điều lệ trường mầm non 11/11 nhóm, lớp đủ đồ dùng, thiết bị dạy học. Tính đến thời điểm đánh giá, số bộ thiết bị là 11 bộ/11 nhóm, lớp. Trong đó, mẫu giáo 3-4-5 tuổi: 3 bộ, mẫu giáo ghép 3-4 tuổi: 2 bộ, mẫu giáo ghép 4-5 tuổi: 2 bộ, nhóm trẻ: 4 bộ [H3-3.1-05].

Hằng năm nhà trường được phòng giáo dục cấp bổ sung các thiết bị dạy học theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng- đồ chơi- thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non. Các nhóm lớp tự làm đồ dùng đồ chơi phục vụ cho các hoạt động giáo dục, phù hợp và an toàn cho trẻ [3.1-02]; [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02].

Mức 3:

Đồ dùng đồ chơi tại các điểm trường, các nhóm, lớp được giáo viên sử dụng và bảo quản tốt, thiết bị đồ dùng, đồ chơi tự làm, được khai thác và đưa vào sử dụng thường xuyên có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục, đáp ứng

yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các điểm trường, nhóm, lớp theo quy định. Hằng năm nhà trường tổ chức làm bổ sung đồ dùng, đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ dưới nhiều hình thức: Thi tôn tạo cảnh quan môi trường cấp trường hằng năm, tổ chức Hội thi phụ huynh cùng làm đồ dùng đồ chơi. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thích phù hợp với trẻ. 100% các máy tính được kết nối Internet, Wifi phục vụ cho hoạt động quản lý và các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát huy những điểm mạnh của nhà trường và làm tốt công tác bàn giao, kiểm kê tài sản, ĐDDC, thiết bị hàng năm để có kế hoạch tu sửa, bổ sung và nâng cấp.	CBQL, giáo viên	Biên bản kiểm kê, bàn giao; Danh mục ĐDDC	Đầu năm, cuối năm học các năm	
Làm tốt công tác tham mưu với các cấp và công tác xã hội hóa giáo dục bổ sung thêm ĐDDC ngoài trời.	CBQL, giáo viên	Kế hoạch tham mưu; Tờ trình...	Năm 2022-2023 và các năm học tiếp theo	
Khuyến khích, động viên phụ huynh đóng góp nguyên vật liệu phế thải cùng chung tay với giáo viên làm nhiều ĐDDC sáng tạo đưa vào hoạt động phong phú.	Giáo viên, cha mẹ học sinh.	Cha mẹ học sinh ủng hộ kinh phí, hiện vật.	Năm 2022-2023 và trong các năm học tiếp theo	
Kiểm tra thường xuyên việc bảo quản thiết bị đồ chơi phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên.	CBQL, giáo viên.	Kế hoạch kiểm tra nội bộ.	Năm 2022-2023 và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 12 phòng vệ sinh của trẻ, 01 khu vệ sinh cho cán bộ giáo viên, nhân viên tại trung tâm và các điểm trường được phân thành khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt, sử dụng thuận tiện, không ô nhiễm môi trường [3.1-02]; [H3-3.1-04].

Hệ thống thoát nước được lắp đặt đảm bảo vệ sinh không ô nhiễm môi trường, có nguồn nước sạch đảm bảo đủ nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ [3.1- 02]; [H3-3.4-01].

Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải hàng ngày, không để rác thải, nước thải tồn đọng gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo vệ sinh, có đủ số lượng thùng đựng rác có nắp đậy để đựng rác và phân loại rác tạm thời, thuận tiện cho công việc làm vệ sinh và khử trùng [3.1-02].

Mức 2:

Các phòng vệ sinh cho trẻ đủ diện tích, thiết kế xây dựng phù hợp với cảnh quan, đảm bảo theo quy định. Tổng diện tích phòng vệ sinh cho trẻ mẫu giáo là 100m², bình quân 0,64m²/trẻ. Các phòng vệ sinh cho trẻ đảm bảo, có vòi nước rửa tay, có chỗ đi tiêu và bệ xí cho trẻ em trai và trẻ em gái; có vòi rửa tay và 9 ghế ngồi bô cho trẻ nhà trẻ, thuận tiện cho sử dụng và dễ quan sát; Khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên nhân viên 9m² đủ diện tích, có phòng tắm xây dựng phù hợp đảm bảo theo quy định phù hợp cảnh quan, đảm bảo vệ sinh môi trường [3.1-02].

Nhà trường có hệ thống cung cấp nước sạch đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng. Có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt không để nước ứ đọng xung quanh trường, lớp. Có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh. Khu vực sân trường, các lớp học, nhà bếp, phòng vệ sinh có thùng đựng và phân loại rác, tự thu gom rác thải vận chuyển đến nơi tập trung, đảm bảo vệ sinh phòng bệnh [3.1-02]; [H3-3.4-01].

2. Điểm mạnh

Trung tâm trường và các điểm trường có đủ nhà vệ sinh, các thiết bị vệ sinh, thuận tiện cho trẻ sử dụng. Có khu vệ sinh riêng biệt dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ diện tích theo quy định. Trung tâm có hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát huy các điểm mạnh, xây dựng kế hoạch, lộ trình sửa chữa nhà vệ sinh tại các điểm trường. Tham mưu với UBND xã và cha mẹ học sinh để có thêm nguồn kinh phí.	CBQL	Kế hoạch tu sửa cơ sở vật chất	Trong năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.	10.000.000 đồng
Kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên thiết bị nhà vệ sinh, hệ thống cấp nước. Thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh không gây ô nhiễm môi trường theo quy định chung.	CBQL, giáo viên	Kế hoạch tu sửa cơ sở vật chất	Năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.	5.000.000 đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Nhà trường có các công trình được xây dựng kiên cố và bán kiên cố, có diện tích khuôn viên và các công trình đảm bảo theo quy định. Diện tích bình quân tối thiểu trên trẻ, diện tích sân vườn, diện tích sân chơi đảm bảo, được quy hoạch, thiết kế phù hợp giúp trẻ khám phá, học tập.

Các nhóm, lớp học, các phòng phục vụ học tập và các khối phòng hành chính quản trị bảo đảm đủ diện tích, được bố trí sắp xếp phù hợp, có đầy đủ đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho từng khối lớp và thiết bị đồ dùng đồ chơi tự làm đảm bảo bền đẹp. Do diện tích của điểm trường (Công Bình, Na Côm) còn hẹp nên chưa bố trí được khu để xe cho giáo viên. Chưa bố trí được phòng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học. Các điểm trường Lọng Sọt, Na Côm, Công Bình chưa có phòng ngủ riêng cho trẻ.

Bếp ăn được xây dựng theo quy trình một chiều với đầy đủ các đồ dùng nhà bếp, có kho lưu trữ thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hàng ngày và đã

được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm. Tuy nhiên bếp ăn ở điểm trường chưa phân chia riêng biệt kho lương thực và kho thực phẩm.

Khu vệ sinh cho giáo viên, trẻ được xây dựng đảm bảo diện tích, đủ các thiết bị, phương tiện vệ sinh, thuận tiện cho việc sử dụng. Có nguồn nước sạch đảm bảo vệ sinh, có hệ thống thu gom, xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng bệnh. Hằng năm nhà trường có kiểm kê, bảo quản và sử dụng có hiệu quả các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có. Có kế hoạch tu sửa và bổ xung các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi kịp thời đảm bảo hoạt động CSGD trẻ của nhà trường.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6 tiêu chí (Mức 1, 2: 6 tiêu chí; mức 3: 2 tiêu chí).

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/6 tiêu chí.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Thực hiện chủ trương: “Sự nghiệp giáo dục là trách nhiệm của toàn xã hội”, nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội, từng bước tranh thủ được sự quan tâm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của cộng đồng và toàn xã hội.

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, các lớp có Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp được hoạt động theo đúng quy định tại điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Nhà trường có nhiều biện pháp và hình thức phong phú để tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ trẻ chăm sóc, giáo dục trẻ khi ở nhà; chỉ đạo giáo viên thường xuyên trao đổi với phụ huynh học sinh về tình hình ăn, ngủ, chơi, học cũng như các hoạt động khác của trẻ ở lớp.

Nhà trường chủ động trong công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng cơ sở vật chất, cảnh quan trường lớp xanh - sạch - đẹp và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn tuyệt đối cho trẻ góp phần nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh nhóm/lớp. Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường gồm có 07 thành viên (01 Trưởng ban, 01 Phó ban, 05 ủy viên thường trực); các nhóm/lớp đều có Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhóm/lớp (gồm 3 thành viên: 01 trưởng ban, 01 phó trưởng ban, 01 ủy viên). Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01].

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, lớp có kế hoạch hoạt động và tổ chức thực hiện theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban đại diện cha mẹ học sinh theo năm học [H4-4.1-01].

Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động theo kế hoạch. Các nội dung đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp của Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, lớp có hiệu quả cao [H4-4.1-01].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường và của các nhóm/lớp phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục như: Tham gia cùng cô và trẻ trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, hoạt động tham quan, trải nghiệm, lao động. Phối hợp với nhà trường hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh như: Chế độ hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù miễn giảm học phí, chính sách trẻ khuyết tật, trẻ hộ nghèo được hưởng theo chế độ quy định của nhà nước [H4-4.1-01]; [4.1-02].

Mức 3:

Trong các năm học từ 2018-2019 đến năm học 2022-2023, Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, huy động các nguồn lực hỗ trợ nhà trường về tài chính, ngày công lao động, nguyên vật liệu để tu sửa cơ sở vật chất, tôn tạo cảnh quan môi trường góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.1-05]; [H4-4.1-01]; [4.1-02]; [H4-4.1-03].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhóm, lớp. Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn quy định. Ban đại diện cha mẹ trẻ có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học và tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra. Phối kết hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ và hoạt động CSGD trẻ; tuyên truyền, hướng dẫn, chủ

trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh. Phối hợp với nhà trường trong việc tôn tạo, tu sửa cảnh quan môi trường có hiệu quả trong công tác xã hội hóa giáo dục góp phần nâng cao chất lượng CSGD trẻ.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục duy trì Ban đại diện cha mẹ trẻ. Chọn những thành viên có tinh thần trách nhiệm và khả năng tuyên truyền với cộng đồng về công tác nuôi dưỡng CSGD trẻ tại trường.	CBQL, giáo viên, Cha mẹ trẻ các lớp	Biên bản họp phụ huynh đầu năm của trường, lớp	Đầu các năm học tiếp theo.	Không
Thảo luận và xây dựng quy chế, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Trong các năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo	Không
Tuyên truyền phụ huynh tham gia vào các hoạt động của nhà trường và làm tốt những mục tiêu mà Ban đại diện cha mẹ học sinh đề ra	CBQL, giáo viên	Kế hoạch tuyên truyền phối hợp với cha mẹ học sinh.	Trong các năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường;

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch giáo dục, giải pháp cụ thể trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học để phát triển nhà trường như: Xây nhà công vụ và tu sửa cơ sở vật chất huy động trẻ trong độ tuổi đến trường, công tác phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, kế hoạch duy trì và nâng cao các tiêu chí đạt chuẩn phổ cập giáo dục - xóa mù chữ; kế hoạch thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt; xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2016-2020, giai đoạn 2021-2025 [H1-1.1-01]; [H1-1.1-05]; [H4-4.2-01].

Hằng năm, nhà trường tích cực tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của phụ huynh về các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành, về các mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường trong năm học dưới nhiều hình thức như: Qua các buổi họp phụ huynh, tuyên truyền qua loa phóng thanh của thôn/đội bản, trao đổi với phụ huynh thông qua giờ đón trả trẻ hàng ngày [H1-1.1-05]; [4.1-02].

Nhà trường tích cực tham mưu tới với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để huy động và sử dụng nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân để tu sửa cơ sở vật chất, xây dựng cảnh quan môi trường, huy động các nguồn lực về quỹ trẻ nghèo vùng cao. Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023 tổng số tiền huy động từ các nguồn lực được 2.345.000.000 đồng (Xây dựng 7 phòng học mới, 3 bếp ăn, 3 phòng giáo viên, 3 nhà vệ sinh), huy động phụ huynh lao động 2000 ngày công, 500 bộ quần áo, 100 ba lô cho học sinh [H1-1.1-05]; [H4-4.2-02].

Mức 2:

Trong các năm qua nhà trường đã tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện từng bước thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục [H1-1.1-01]; [H1-1.1-05].

Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân ở địa phương như: Đoàn thanh niên xã, của trường, công đoàn trường để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống địa phương như: "Ngày hội bé đến trường"; "Bé vui đón tết"; "Vui tết trung thu"; Giao lưu văn

nghệ ngày 20/11, 20/10, 8/3... tổ chức cho trẻ tham quan các di tích lịch sử địa phương, danh lam thắng cảnh của địa phương [H1-1.1-05]; [4.1-02].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh cùng nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Năm học 2022-2023 nhà trường phòng GD&ĐT huyện Điện Biên lựa chọn làm cụm thi “Tôi yêu Việt Nam”, sinh hoạt chuyên đề cấp cụm, thường xuyên được đón các đơn vị trường học của huyện đến thăm quan và giao lưu. Nhiều năm qua được UBND tỉnh, huyện công nhận danh hiệu “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa” [4.1-02]; [H4-4.2-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tích cực tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển theo năm học và giai đoạn nhằm nâng cao các điều kiện về cơ sở vật chất trường lớp đáp ứng với yêu cầu nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ. Tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, các văn bản chỉ đạo của ngành giáo dục. Trong 5 năm gần đây nhà trường đã phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân ở địa phương và các lực lượng xã hội huy động các nguồn lực đóng góp công lao động, vật liệu để xây dựng cảnh quan trường lớp, ủng hộ hỗ trợ cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn. Tổng số tiền huy động từ các nguồn lực được 2.345.000.000 đồng. Phối hợp với các đoàn thể ở địa phương tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương một cách hiệu quả và xây dựng trường trở thành trung tâm văn hóa giáo dục địa phương. Nhiều năm qua được UBND tỉnh, huyện công nhận danh hiệu “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tham mưu với cấp ủy Đảng chính quyền và các tổ chức đoàn thể của địa phương để được hỗ trợ nguồn kinh phí đầu tư cho những hoạt động giáo dục hằng năm của nhà trường.	CBQL	Các kế hoạch, tờ trình tham mưu với địa phương, các đoàn thể.	Trong các năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.	Không

Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục.	CBQL	Tổ chức hội nghị, các bài tuyên truyền.	Trong các năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.	Không
Phối kết hợp hài hòa các hình thức tổ chức giữa các đoàn thể địa phương với các hoạt động của nhà trường, giao lưu, tổ chức các cuộc thi gắn với nhiệm vụ của năm học để xây dựng môi trường giáo dục.	CBQL, giáo viên, Ban đại diện cha học sinh.	Kế hoạch tuyên truyền, phối hợp với các ban ngành, đoàn thể.	Trong các năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Hàng năm nhà trường thành lập Ban đại diện học sinh trẻ em theo đúng cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động tuân thủ theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ. Chủ động phối kết hợp với nhà trường trong việc tuyên truyền phổ biến Pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục thông qua các cuộc họp với nhiều hình thức khác nhau để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Nhà trường tham mưu phối kết hợp chặt chẽ tới các cấp ủy Đảng chính quyền địa phương và huy động ngày công lao động của hội phụ huynh học sinh, tu sửa cơ sở vật chất, xây dựng cảnh quan môi trường nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn của trường kiểm định chất lượng, đồng thời phối kết hợp trong việc tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương một cách hiệu quả.

- Số tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2 tiêu chí (Mức 1,2: 2 tiêu chí; mức 3: 2 tiêu chí).

- Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/2 tiêu chí.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

Trong những năm qua trường mầm non xã Hẹ Muông thực hiện nghiêm túc Chương trình GDMN theo quy định, có sự phát triển Chương trình nhà trường phù hợp với khả năng nhu cầu của trẻ, với thực tế của trường và địa phương. Để chất lượng giáo dục ngày càng nâng cao nhà trường luôn chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc Chương trình GDMN của Bộ GD&ĐT. Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp. Nhà trường tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ theo quy định phù hợp với độ tuổi, không ngừng đổi mới phương pháp dạy và học, quan tâm

xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm tạo cơ hội cho trẻ được học tập vui chơi, trải nghiệm. Tổ chức các hoạt động giáo dục, đa dạng về hình thức, linh hoạt, sáng tạo về phương pháp dạy học phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ, điều kiện nhà trường, địa phương nhằm phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo giúp trẻ phát triển toàn diện về Đức - Trí - Thể - Mỹ.

Nhà trường làm tốt công tác phối hợp với cơ sở Y tế của địa phương, thực hiện nghiêm túc việc khảo sát, đánh giá trẻ, cân, đo, khám sức khỏe định kỳ theo đúng quy định phát hiện những trẻ suy dinh dưỡng thấp còi để có hướng phục hồi phòng chống kịp thời suy dinh dưỡng, thấp còi cho trẻ. Hằng năm nhà trường chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt công tác duy trì sĩ số nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần đặc biệt là trẻ mẫu giáo 5 tuổi. Hằng năm 100% số trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch.*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường.*
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời phù hợp.*

Mức 2:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng.*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

- a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của địa phương;*
- b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường căn cứ Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành, cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán đã xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với bối cảnh địa phương. Sau khi hội đồng thẩm định, nhất trí chương trình giáo dục nhà trường được công khai trên các kênh thông tin chung của nhà

trường (Gmail, zalo) nhà trường trên cơ sở đó giáo viên xây dựng kế hoạch Chương trình giáo dục của các lớp theo năm học, tháng/chủ đề/tuần/ngày và tổ chức thực hiện Chương trình GDMN theo kế hoạch [H1-1.8-01].

Nhà trường thực hiện phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành đúng theo quy định. Căn cứ vào điều kiện về cơ sở vật chất của nhà trường, điều kiện phong tục tập quán văn hóa xã hội của địa phương, căn cứ theo nhu cầu, nguyện vọng của cha mẹ trẻ, khả năng nhận thức của trẻ, nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai tổ chức "Tăng cường tiếng Việt" trong các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.5-03]; [H1-1.8-01].

Nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN thông qua hội đồng thẩm định, đánh giá vào các thời điểm đầu năm, giữa năm, cuối năm và qua các hoạt động đánh giá trẻ cuối chủ đề, tròn tháng. Để có kế hoạch điều chỉnh kịp thời, phù hợp [H1-1.8-02]; [H5-5.1-01].

Mức 2:

Nhà trường đã tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục năm học, kế hoạch chủ đề và kế hoạch tuần, ngày hiệu quả, các lớp đã xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình đảm bảo chất lượng ở các độ tuổi theo quy định. 100% các lớp thực hiện tốt nội dung Chương trình đảm bảo tiến độ theo kế hoạch được nhà trường phê duyệt [H1-1.5-03]; [H1-1.8-01].

Nhà trường đã phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành. Chương trình giáo dục nhà trường, lựa chọn mục tiêu, nội dung xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch chủ đề phù hợp với điều kiện của nhóm lớp, phù hợp văn hóa của địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu nhận thức của trẻ theo từng độ tuổi [H1-1.5-03]; [H1-1.8-01].

Mức 3:

Nhà trường phát triển chương trình GDMN của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương. Nhà trường chưa thực hiện được nội dung tham khảo chương trình giáo dục các nước trong khu vực và thế giới [H1-1.8-01].

Hàng năm, nhà trường tiến hành sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục nhà trường để từ đó có sự điều chỉnh cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em. [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H5-5.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch, phù hợp với thực tế của nhà trường, định kỳ rà soát, đánh giá và điều chỉnh bổ sung kịp thời phù hợp với bối cảnh văn hóa địa phương, đáp ứng nhu cầu và khả năng hứng thú của trẻ. Hàng năm nhà trường tổng kết đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên, chất lượng trẻ từ đó kịp thời điều chỉnh, cải tiến các nội dung phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu: Nhà trường chưa thực hiện được nội dung tham khảo chương trình giáo dục các nước trong khu vực và thế giới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục chỉ đạo giáo viên rà soát, xây dựng kế hoạch phát triển chương trình nhà trường, lựa chọn các nội dung giáo dục phù hợp với đối tượng trẻ và điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp.	CBQL, tổ trưởng, giáo viên	Chương trình GDMN, chương trình giáo dục nhà trường	Trong năm học 2022 - 2023 và các năm tiếp theo	
Tiếp tục phát triển chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.	CBQL, tổ trưởng, giáo viên	Chương trình GDMN, giáo dục nhà trường	Trong năm học 2022 - 2023 và các năm tiếp theo	
Tham khảo Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới vào tổ chức các hoạt động giáo dục để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả.	CBQL, tổ trưởng, giáo viên	Bồi dưỡng chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên, học tập, nghiên cứu.	Trong năm học 2022 - 2023 và các năm tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) *Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường.*

b) *Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*

c) *Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "chơi mà học, học bằng chơi".

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường chỉ đạo giáo viên sử dụng linh hoạt các phương pháp tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ theo độ tuổi, nhu cầu phát triển của trẻ mầm non và điều kiện thực tế của nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.1-05]; [H1-1.5-03]; [H1-1.8-02].

Nhà trường đã xây dựng trường mầm non theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tích cực xây dựng môi trường giáo dục thu hút trẻ. Căn cứ vào mục tiêu, nội dung các độ tuổi giáo viên tổ chức môi trường giáo dục theo hướng mở, tạo điều kiện tốt nhất để trẻ được vui chơi, trải nghiệm, tích cực xây dựng tôn tạo cảnh quan môi trường tạo sự đa dạng phong phú các khu vực tại các điểm trường và trung tâm cho trẻ tham gia các hoạt động trải nghiệm, vui chơi học tập như: Khu trải nghiệm với nước, với đá, lá cây, trồng cây, góc địa phương, khám phá thí nghiệm, bé cùng vận động và vui chơi... tạo điều kiện để trẻ được vui chơi, trải nghiệm, khám phá các ngày lễ hội các trò chơi quen thuộc gần gũi [4.1-02].

Giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của lớp như: Các hoạt động giáo dục trong lớp, ngoài lớp, hoạt động cá nhân, nhóm, giao lưu hoạt động tập thể giữa các lớp, hoạt động học, hoạt động chơi, hoạt động lao động, vệ sinh [4.1-02].

Mức 2:

Các nhóm, lớp trong nhà trường chú trọng tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với độ tuổi, nhu cầu, hứng thú của trẻ cũng như điều kiện thực tế của trường, lớp, địa phương thông qua các ngày lễ hội trẻ được trải nghiệm với nhiều hoạt động khác nhau tạo hứng thú, sáng tạo cho trẻ [4.1-02].

Mức 3:

Hằng năm nhà trường đã xây dựng và tổ chức giáo viên xây dựng, tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích sự hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia vào các hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "chơi mà học, học mà chơi" như: Thư viện của bé, khu trải nghiệm với cát nước, khu phát triển vận động, nhà chòi, chăm sóc vườn rau, vườn hoa. Tổ chức cho trẻ tham gia các hoạt động trải nghiệm rèn kỹ năng sống [4.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện linh hoạt các phương pháp tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ theo độ tuổi của các nhóm lớp và điều kiện thực tế. Xây dựng trường mầm non theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tích cực tôn tạo cảnh quan môi trường xây dựng đa dạng các khu vực cho trẻ trải nghiệm, vui chơi học tập phù hợp với thực tế. Xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm phù hợp với nhu cầu khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động, vui chơi, trải nghiệm.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Chỉ đạo giáo viên xây dựng và triển khai áp dụng có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.	CBQL, tổ trưởng, giáo viên	Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ.	Trong năm học 2022–2023 và các năm tiếp theo.	
Chỉ đạo giáo viên linh hoạt, sáng tạo trong công tác xây dựng, tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học tạo điều kiện cho trẻ có cơ hội để học tập, vui chơi và tham gia các hoạt động trải nghiệm.	CBQL, tổ trưởng, giáo viên	Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ.	Trong năm học 2022 – 2023 và các năm tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường hằng năm đã phối kết hợp với trạm y tế xã Hẹ Muông tổ chức khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm học cho trẻ, cho trẻ uống vitamin, thuốc tẩy giun, tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh theo mùa, đo thân nhiệt, phòng chống dịch bệnh Covid -19 [4.1-02]; [H5-5.3-01].

100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, được đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Kết quả theo dõi sự phát triển của trẻ cuối năm học 2021-2022 nhà trường có 95,2% trở lên trẻ em khỏe mạnh, có chiều cao cân nặng phát triển bình thường. Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân dưới 5%, chiều cao bình thường đạt 95,2%, suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 5% [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

Ngay từ đầu năm học nhà trường đã xây dựng kế hoạch y tế học đường, trong đó chú trọng đến phục hồi dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng, có biện pháp chăm sóc cho trẻ suy dinh dưỡng thấp còi ở các lớp. Chế độ ăn hằng ngày cho trẻ tại trường được đảm bảo cân đối 4 nhóm thực phẩm, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định. Giáo viên quan tâm chăm sóc trẻ, động viên trẻ ăn hết xuất, chú ý tới trẻ mới ốm dậy. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân cuối năm học 2021-2022 giảm dưới 5%, tỉ lệ thấp còi giảm dưới 5% [H5-5.3-03]; [H5-5.3-04].

Mức 2:

Nhà trường chú trọng tới công tác tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ về cách chăm sóc trẻ tại gia đình, các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ em, thực hiện nghiêm túc thông điệp “2K” của Bộ y tế về phòng chống dịch bệnh Covid-19 thông qua các buổi họp phụ huynh, bảng tuyên truyền của trường và các lớp, trao đổi trực tiếp vào giờ đón trả trẻ [4.1-02].

Nhà trường tổ chức cho trẻ ăn tại trường gồm: Nhà trẻ ăn hai bữa chính và một bữa phụ, mẫu giáo ăn một bữa chính và một bữa phụ, xây dựng thực đơn của trẻ theo ngày, tuần và thay đổi phù hợp với từng mùa trong năm, đảm bảo chế độ dinh dưỡng của trẻ phù hợp với độ tuổi đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của

trẻ, đảm bảo theo quy định như: Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn theo độ tuổi, số tiền ăn/ngày của trẻ (Với trẻ mẫu giáo có đủ hồ sơ trẻ được ăn theo chế độ nhà nước theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP; với trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo không được chế độ nhà nước ăn theo quỹ trẻ nghèo vùng cao hỗ trợ), số bữa ăn theo quy định, nước uống, tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng [H1-1.1-05]; [H5-5.3-05].

Nhà trường đảm bảo 100% trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, các lớp xây dựng kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng có các biện pháp can thiệp phù hợp, tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học [H5-5.3-04].

Mức 3:

Hằng năm nhà trường đều có 95% trở lên trẻ khỏe mạnh về chiều cao cân nặng phát triển bình thường. Năm học 2021-2022 nhà trường có 95,2% trở lên trẻ em khỏe mạnh, có chiều cao cân nặng phát triển bình thường. Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân dưới 5%, chiều cao bình thường đạt 95,2%, suy dinh dưỡng thể thấp còi chiếm dưới 5% [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

2. Điểm mạnh

Hằng năm, nhà trường đã phối kết hợp với trạm y tế xã Hẹ Muông, tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ. 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm học đo chiều cao, cân nặng cho trẻ, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng, thực hiện nghiêm túc thông điệp 2K của Bộ y tế để phòng chống dịch bệnh Covid -19. Xây dựng chế độ dinh dưỡng của trẻ em phù hợp với độ tuổi đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng. 100% trẻ suy dinh dưỡng được nhà trường can thiệp bằng những biện pháp phù hợp như: Thường xuyên thay đổi thực phẩm phù hợp. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân cuối năm học 2021- 2022 giảm dưới 5%, tỉ lệ thấp còi giảm dưới 5%.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục làm tốt công tác phối hợp với các cơ sở y tế trong việc khám sức khỏe, phòng chống dịch bệnh cho trẻ.	CBQL, giáo viên, y tế xã.	Quy chế phối hợp giữa nhà trường và trạm y tế xã Hẹ Muông	Trong năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo	
Thực hiện tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm.	CBQL, giáo viên, y tế.	Các công văn hướng dẫn thực hiện VSATTP	Năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo	
Phối kết hợp có hiệu quả với cha mẹ trẻ tổ	CBQL, giáo viên, y	Kế hoạch y tế.	Trong năm học 2022-	

chức tốt ăn bán trú cho trẻ, cải thiện bữa ăn cho trẻ bị suy dinh dưỡng, giảm tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng xuống dưới 4%	tế.		2023 và các năm tiếp theo	
Tuyên truyền tăng cường phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới Covid -19 gây ra.	CBQL, giáo viên, y tế.	Kế hoạch y tế	Trong năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã chỉ đạo giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền tới các bậc phụ huynh và các ban ngành thôn bản huy động trẻ ra

lớp. Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ chuyên cần hàng năm đối với trẻ 5 tuổi đạt 95% trở lên, trẻ dưới 5 tuổi đạt trên 92% [H1-1.5-01].

100% trẻ 5 tuổi nhà trường hằng năm đều hoàn thành Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành. Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có tổng số 60 trẻ 5 tuổi đang học Chương trình GDMN tại trường [H5-5.4-01].

Năm học 2019-2020 nhà trường có 01 trẻ khuyết tật học hòa nhập. Hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ em khuyết tật học hòa nhập được thực hiện theo kế hoạch giáo dục cá nhân, áp dụng theo Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT, ngày 29/01/2018 Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật [H1-1.5-04].

Mức 2:

Giáo viên thực hiện tốt công tác tuyên truyền với phụ huynh đảm bảo trẻ đi học chuyên cần, tỷ lệ chuyên cần hàng năm đối với trẻ 5 tuổi đạt 95% trở lên, trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 92% trở lên [H1-1.5-01].

Qua các năm học sinh 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt 100% [H5-5.4-01].

Năm học 2019-2020 nhà trường có 01 trẻ khuyết tật học hòa nhập. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân để nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ và được đánh giá có sự tiến bộ [H1-1.5-04].

Mức 3:

Từ năm học 2018-2019 đến nay số trẻ 5 tuổi được đánh giá hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt 100% [H5-5.4-01].

Trong 5 năm qua có một năm học 2019-2020 nhà trường có 01 trẻ khuyết tật học hòa nhập. Có kế hoạch giáo dục cá nhân để nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ và được đánh giá có sự tiến bộ [H1-1.5-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã chỉ đạo giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền tới các bậc phụ huynh và cộng đồng huy động trẻ ra lớp. Tỷ lệ chuyên cần hàng năm đối với trẻ 5 tuổi đạt 95% trở lên, trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 92% trở lên. Hằng năm nhà trường có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN. Năm học 2019-2020 nhà trường có 1 trẻ khuyết tật học hòa nhập và được đánh giá có sự tiến bộ.

3. Điểm yếu: Vào các thời điểm dịch bệnh covid-19 diễn ra thì tỉ lệ trẻ chuyên cần còn chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục chỉ đạo giáo viên làm tốt	CBQL	Quyết định giao biên	Trong năm học 2022-	

công tác tuyên truyền, huy động trẻ ra lớp đảm bảo chỉ tiêu Huyện giao và đảm bảo tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần.		chế số lớp, học sinh hằng năm.	2023 và các năm tiếp theo	
Duy trì tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đảm bảo theo quy định.	CBQL, giáo viên.	Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	Trong năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giáo dục mầm non phát triển phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường, địa phương. Hằng năm tổng kết đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN, kịp thời điều chỉnh cải tiến nội dung giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng. Nhà trường chỉ đạo giáo viên các nhóm lớp xây dựng tổ chức các hoạt động giáo dục theo Chương trình GDMN bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục đối tượng trẻ, dựa trên điều kiện thực tế của nhà trường. Tổ chức hiệu quả môi trường giáo dục trong và ngoài lớp theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm tạo điều kiện để trẻ được vui chơi thực hành trải nghiệm phù hợp với nhu cầu hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường. Do trình độ nhận thức học sinh trong nhóm, lớp chưa đồng đều nên nhà trường chưa thực hiện được nội dung tham khảo chương trình giáo dục các nước trong khu vực và thế giới. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN. Nhà trường có 01 trẻ khuyết tật trong độ tuổi học hòa nhập và được đánh giá có sự tiến bộ. 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ, đo chiều cao, cân nặng thực hiện nghiêm túc thông điệp 2K của bộ y tế về phòng chống dịch bệnh covid - 19.

Nhà trường đã thực hiện tốt công tác chăm sóc giáo dục trẻ, thu hút trẻ đến trường cao, tỷ lệ huy động và duy trì số học sinh chuyên cần hằng năm đối với trẻ 5 tuổi đạt 95% trở lên, trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 92% trở lên. Tuy nhiên vào các thời điểm dịch bệnh covid-19 diễn ra thì tỉ lệ trẻ chuyên cần còn chưa cao. Hằng năm có 100% trẻ mẫu giáo 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN. Học sinh khuyết tật được học hòa nhập và được đánh giá có sự tiến bộ.

- + Số tiêu chí đạt yêu cầu: 4/4 tiêu chí (Mức 1,2: 4 tiêu chí; mức 3: 3 tiêu chí).
- + Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/4 tiêu chí.

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Trên đây là toàn bộ quá trình tự đánh giá của nhà trường đã diễn ra liên tục, bền bỉ, với sự đầu tư công sức, trí tuệ của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong toàn trường mà tiêu biểu là các thành viên trong Hội đồng

tự đánh giá.

Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình: Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Tiêu chuẩn đánh giá trường mầm non với 5 tiêu chuẩn, 25 tiêu chí; Các tiêu chuẩn được đánh giá chính xác, khách quan, phản ánh đúng chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường. Qua quá trình tự đánh giá nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

- Tổng số tiêu chí: 25 tiêu chí
- + Số tiêu chí đạt yêu cầu: 25
- + Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0
- Tiêu chí đạt mức 1: 25/25 tiêu chí đạt 100%
- Tiêu chí đạt mức 2: 25/25 tiêu chí đạt 100%
- Tiêu chí đạt mức 3: 13/19 tiêu chí đạt 68,4 %
- Tiêu chí không đạt mức 3: 6/19 chiếm 31,6 %

*** Trường mầm non tự đánh giá**

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, kèm theo Quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường mầm non.

Căn cứ kết quả tự đánh giá của nhà trường, trường Mầm non xã He Muông huyện Điện Biên đạt chuẩn chất lượng giáo dục mức 2, trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Trường Mầm non xã He Muông đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét công nhận kết quả tự đánh giá của nhà trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục mức 2, trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của trường Mầm non xã He Muông - huyện Điện Biên - tỉnh Điện Biên về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non. Kính mong được cơ quan chủ quản, cấp ủy chính quyền địa phương, các thành viên trong Hội đồng đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của nhà trường ngày càng chất lượng và hoàn thiện hơn./.

He Muông, ngày 06 tháng 09 năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Phạm Thị Hương

Phần IV: PHỤ LỤC

1. Danh mục mã hóa minh chứng 5 tiêu chuẩn (*kèm theo báo cáo.*)

